SAO Y Ký bởi: Bộ Lao động - Thương binh và XH
Cơ quan: Bộ Lao động - Thương binh và XH

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25 /2022/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022*

THÔNG TƯ

Quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động

Căn cứ khoản 4 Điều 23 Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động được quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 2 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2. Người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Lao động.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

Điều 3. Phương tiện bảo vệ cá nhân

1. Phương tiện bảo vệ cá nhân là những dụng cụ, phương tiện cần thiết mà người lao động phải được trang cấp để sử dụng trong khi làm việc hoặc thực hiện nhiệm vụ để bảo vệ cơ thể khỏi tác động của các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại phát sinh trong quá trình lao động, khi các giải pháp công nghệ, thiết bị, kỹ thuật

an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc chưa thể loại trừ hết.

2. Phương tiện bảo vệ cá nhân bao gồm:

a) Phương tiện bảo vệ đầu.

b) Phương tiện bảo vệ mắt, mặt.

c) Phương tiện bảo vệ thính giác.

d) Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp.

đ) Phương tiện bảo vệ tay.

e) Phương tiện bảo vệ chân.

g) Phương tiện bảo vệ thân thể.

h) Phương tiện chống ngã cao.

i) Phương tiện chống điện giật, điện từ trường, tia phóng xạ.

k) Phương tiện chống đuối nước.

l) Các loại phương tiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động khác.

3. Phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động phải phù hợp với việc ngăn ngừa có hiệu quả các tác hại của các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại trong môi trường lao động, dễ dàng trong sử dụng, bảo quản và không gây tác hại khác.

4. Các phương tiện bảo vệ cá nhân phải bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định khác của pháp luật lao động và pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Chương II

NGUYÊN TẮC TRANG CẤP, SỬ DỤNG, BẢO QUẢN PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN

Điều 4. Điều kiện được trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân

Làm việc tiếp xúc với một trong những yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại dưới đây thì được trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân:

1. Tiếp xúc với yếu tố vật lý không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh.

2. Tiếp xúc với bụi và hoá chất độc hại.

3. Tiếp xúc với yếu tố sinh học độc hại:

a) Vi rút, vi khuẩn độc hại gây bệnh, côn trùng có hại;

b) Phân, nước thải, rác, cống rãnh;

c) Các yếu tố sinh học độc hại khác.

4. Làm việc với máy, thiết bị, công cụ lao động tiềm ẩn các mối nguy mất

an toàn, vệ sinh lao động, làm việc ở vị trí mà tư thế lao động nguy hiểm dễ gây ra tai nạn lao động; làm việc trên cao; làm việc trong hầm lò, nơi thiếu dưỡng khí; làm việc trên biển, trên sông nước, trong hầm sâu, trong không gian hạn chế, trong rừng; làm việc trong núi đá, hang đá hoặc điều kiện lao động nguy hiểm, độc hại khác.

Điều 5. Nguyên tắc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân

1. Người sử dụng lao động phải tổ chức đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp về công nghệ, thiết bị, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động để loại trừ hoặc hạn chế tối đa các tác hại của yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, cải thiện điều kiện lao động trước khi thực hiện biện pháp trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân.

2. Người sử dụng lao động lập danh mục và trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo danh mục phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Ngoài việc lập danh mục quy định tại khoản 2 Điều này, người sử dụng lao động chủ động xây dựng danh mục và trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động để bảo đảm an toàn, sức khỏe cho người lao động trong những trường hợp sau đây:

a) Các nghề, công việc chưa quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này mà người sử dụng lao động xét thấy có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại không bảo đảm an toàn sức khỏe cho người lao động.

b) Các nghề, công việc được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này nhưng cần bổ sung danh mục phương tiện bảo vệ cá nhân để bảo đảm ngăn ngừa có hiệu quả các tác hại của các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại trong môi trường lao động.

4. Người sử dụng lao động căn cứ vào mức độ yêu cầu của từng nghề, công việc cụ thể tại cơ sở của mình, khuyến nghị của nhà sản xuất đối với từng loại phương tiện bảo vệ cá nhân để quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân cho phù hợp với tính chất công việc và chất lượng của phương tiện bảo vệ cá nhân.

5. Tùy theo yêu cầu cụ thể, người sử dụng lao động trang cấp các phương tiện bảo vệ cá nhân cần thiết cho người đến thanh tra, kiểm tra, thăm quan, học tập để sử dụng trong thời gian thanh tra, kiểm tra, thăm quan, học tập.

6. Người lao động không phải trả tiền về việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân và có quyền yêu cầu người sử dụng lao động bổ sung mới hoặc thay đổi loại phương tiện bảo vệ cá nhân cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Điều 6. Nguyên tắc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân

1. Người sử dụng lao động phải tổ chức hướng dẫn người lao động sử dụng thành thạo các phương tiện bảo vệ cá nhân theo hướng dẫn của nhà sản xuất và phải kiểm tra việc sử dụng.

2. Các phương tiện bảo vệ cá nhân chuyên dùng có yêu cầu kỹ thuật cao thì người sử dụng lao động phải tổ chức kiểm tra, thử nghiệm để bảo đảm chất lượng, quy cách của phương tiện bảo vệ này trước khi trang cấp, đồng thời định kỳ kiểm tra chất lượng trong quá trình sử dụng và ghi sổ theo dõi; không sử dụng các phương tiện không đạt yêu cầu kỹ thuật hoặc quá hạn sử dụng theo khuyến cáo của nhà cung cấp; loại bỏ ngay các phương tiện hư hỏng, không đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình sử dụng.

3. Người lao động được trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân phải sử dụng phương tiện đó theo đúng quy định trong khi làm việc. Nếu người lao động vi phạm thì tuỳ theo mức độ vi phạm phải chịu hình thức kỷ luật theo nội quy lao động của cơ sở mình hoặc theo quy định của pháp luật.

4. Người sử dụng lao động phải trang cấp lại cho người lao động phương tiện bảo vệ cá nhân khi bị mất, hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng. Trường hợp bị mất, hư hỏng mà không có lý do chính đáng thì người lao động phải bồi thường theo quy định của nội quy lao động của cơ sở. Khi hết thời hạn sử dụng hoặc khi chuyển làm công việc khác thì người lao động phải trả lại những phương tiện bảo vệ cá nhân nếu người sử dụng lao động yêu cầu nhưng phải ký bàn giao.

Điều 7. Nguyên tắc bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm bố trí nơi cất giữ, bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân theo hướng dẫn của nhà sản xuất, chế tạo phương tiện bảo vệ cá nhân. Người lao động có trách nhiệm giữ gìn phương tiện bảo vệ cá nhân được giao.

2. Các phương tiện bảo vệ cá nhân để sử dụng ở những nơi không đảm bảo vệ sinh, dễ gây nhiễm độc, nhiễm trùng, nhiễm phóng xạ thì sau khi sử dụng, người sử dụng lao động phải có các biện pháp làm sạch, khử độc, khử trùng, tẩy xạ bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động, môi trường xung quanh và phải định kỳ kiểm tra.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

1. Căn cứ vào quy định về trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân được ban hành tại Thông tư này và thời hạn sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân đã được quyết định, hằng năm, người sử dụng lao động tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở để lập kế hoạch mua sắm (bao gồm cả dự phòng),

trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

2. Kiểm tra chất lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trước khi trang cấp, trong quá trình sử dụng. Trường hợp cấp phát cho người đại diện ở tổ đội, phân xưởng nơi người lao động làm việc thì phải tổ chức kiểm tra, giám sát việc giao nhận phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

3. Lập sổ trang cấp, theo dõi việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân có chữ ký xác nhận của người lao động hoặc người đại diện của tổ đội, phân xưởng nơi người lao động làm việc nhận phương tiện bảo vệ cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện số hóa việc theo dõi, cấp phát trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân, bảo đảm việc xác nhận của người lao động phù hợp với ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động.

5. Bảo đảm các nguyên tắc được quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật An toàn, vệ sinh lao động và quy định tại Thông tư này.

6. Khi thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này, người sử dụng lao động phải đồng thời báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm Thông tư này để đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung vào danh mục.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan phổ biến, hướng dẫn Thông tư này đến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn.

2. Thường xuyên đôn đốc, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Báo cáo định kỳ hằng năm về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội việc thực hiện Thông tư này của các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình đóng trên địa bàn cùng với báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2023.

2. Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết./.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Văn Thanh

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, ATLĐ (15 bản).

Phụ lục I

DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN TRANG CẤP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM NGHỀ, CÔNG VIỆC CÓ YẾU TỐ NGUY HIỂM, YẾU TỐ CÓ HẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

I. ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Chọn điểm khống chế tọa độ, độ cao ở vùng núi, hải đảo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Tất chống vắt; - Giầy đi rừng cao cổ; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Áo mưa; - Phao cứu sinh(1).	(1) Trang bị khi làm việc ở mặt nước.
2	Đo đạc ngoại nghiệp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Tất chống vắt; - Giầy vải bạt thấp cổ(1); - Quần áo và mũ chống lạnh(2); - Phao cứu sinh(3); - Áo mưa;	(1) Thay bằng giầy vải bạt cao cổ đi rừng khi làm việc ở vùng rừng núi. (2) Trang bị khi làm việc ở vùng rét. (3) Trang bị khi làm việc ở mặt nước.
3	- Chọn điểm, chôn mốc, đo thủy chuẩn; - Đo thiên văn, trọng lực, GPS; - Đúc mốc, chôn mốc khống chế tọa độ, độ cao; - Điều vẽ ngoại nghiệp;	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ(1); - Tất chống vắt; - Quần áo và mũ chống lạnh(2); - Phao cứu sinh(3); - Áo mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học(4);	(1) Thay bằng giầy vải bạt cao cổ đi rừng khi làm việc ở vùng rừng núi. (2) Trang bị khi làm việc ở vùng rét. (3) Trang bị khi làm việc ở mặt nước. (4) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
4	Đo đạc, cắm tuyến cầu đường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	(1) Trang bị khi làm việc ở vùng

		- Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Tất chống vắt; - Quần áo và mũ chống lạnh(1); - Phao cứu sinh(2); - Áo mưa.	rét. (2) Trang bị khi làm việc ở mặt nước.
5	Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Tất chống vắt; - Áo mưa.	

II. KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Quan trắc viên khí tượng mặt đất (đo nhiệt độ, độ ẩm, khí áp, mưa, gió, bảo quản thiết bị).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Kính chống bức xạ; - Găng tay vải bạt; - Mũ chống lạnh(1); - Áo choàng vải xanh(2); - Găng tay cách nhiệt; - Giày bảo hộ lao động.	(1) Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13^05. (2) Trang bị để sử dụng khi đo bức xạ.
2	Quan trắc viên Thủy văn: Đo lưu lượng nước sông.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Phao cứu sinh(1); - Áo, Mũ chống lạnh(2);	(1) Trang bị sử dụng khi làm việc trên mặt nước sâu. (2) Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13^05.
3	Quan trắc viên Thủy văn: Đo mực nước sông.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Áo mưa; - Ủng cao su; - Găng tay cao su; - Áo, Mũ chống lạnh(1); - Phao cứu sinh(2);	(1) Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13^05. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
4	Quan trắc viên hải văn: Đo mực nước biển, độ mặn, độ PH.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Áo mưa; - Ủng cao su; - Găng tay cao su;	(1) Trang bị sử dụng khi làm việc trên mặt nước sâu. (2) Trang bị theo

		- Phao cứu sinh[1]; - Áo, Mũ chống lạnh[2];	vùng có nhiệt độ thấp dưới 13^05.
5	Thu thập số liệu mưa ở các trạm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Mũ, nón chống mưa nắng;	
6	Quan trắc viên khí tượng nông nghiệp (đo đạc các yếu tố khí tượng mặt đất, trồng các loại cây để thực nghiệm về khí tượng nông nghiệp).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay cao su; - Áo, Mũ chống lạnh[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13^05.
7	Quan trắc viên khí tượng cao không (đo nhiệt độ, độ ẩm, áp suất khí quyển, đo gió ở các độ cao khác nhau).	- Áo choàng vải màu trắng; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Áo, Mũ chống lạnh[1].	[1] Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13^05.
8	Vận hành máy điều chế khí H_2.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su; - Áo, mũ chống lạnh[1];	[1] Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13^05.
9	Quan trắc ôzôn và tia cực tím.	- Áo choàng vải màu trắng; - Mũ vải; - Kính chống bức xạ; - Ủng cách điện[1]; - Găng tay cách điện[1]; - Áo, Mũ chống lạnh[2]; - Xà phòng.	[1] Trang bị chung để dùng khi cần thiết. [2] Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13^05.
10	Quan trắc viên môi trường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Giầy bảo hộ lao động chống đâm xuyên; - Áo mưa; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Áo, Mũ chống lạnh[1]; - Kính bảo hộ lao động; - Nút tai chống ồn.	[1] Trang bị theo vùng có nhiệt độ thấp dưới 13^05.
11	Hóa nghiệm môi trường nước và không khí (thuộc Viện Khí tượng Thủy văn).	- Áo choàng vải màu trắng; - Mũ vải trắng; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi;	

12	Khảo sát khí tượng thủy văn, hải văn nông nghiệp và môi trường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Phao cứu sinh(1);	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
13	Kiểm định và sửa chữa máy khí tượng thủy văn.	- Quần yếm; - Mũ vải;	

III. TÌM KIẾM - THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TÀI NGUYÊN

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	- Trắc địa Carota; - Trắc địa, đo đạc cắm tuyến khảo sát.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Ủng cao su; - Giày cao cổ; - Tất chống vắt; - Đệm vai; - Áo mưa; - Quần áo và mũ chống lạnh(1);	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
2	- Tìm kiếm, khảo sát dầu khí; - Tìm kiếm địa chất, đi lộ trình tại các đơn vị tìm kiếm và thăm dò, theo dõi thi công các công trình địa chất. - Vận hành máy khoan địa chất.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt. - Tất chống vắt(1); - Quần áo và mũ chống lạnh(2); - Ủng cao su(3); - Áo mưa; - Khẩu trang chống bụi; - Mặt nạ phòng độc; - Găng tay vải bạt; - Dây đai an toàn.	(1) Cấp khi đi khảo sát ở trên rừng. (2) Cấp khi làm việc ở vùng rét. (3) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
3	Địa vật lý hàng không.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ;	
4	Địa vật lý mặt biển.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà cạp; - Áo mưa; - Quần áo và mũ chống lạnh(1);	(1) Cấp khi làm việc ở vùng rét.

5	Đãi mẫu sa khoáng, lấy mẫu kim lượng, mẫu rãnh, mẫu vỉa, gia công công nghiệp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Quần áo và mũ chống lạnh(1);	(1) Cấp khi làm việc ở vùng rét.
6	Mài mẫu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi;	
7	Nghiền giã quặng, rây và đóng gói quặng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi;	
8	- Carôta phóng xạ. - Đo Carôta lỗ khoan	- Quần áo vải dầy và trơn; - Áo quần lót xuân hè; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Tay gắp nguồn; - Bộ ứng phó sự cố bức xạ. - Ủng cao su(1); - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Quần áo chống tia Rơnghen và phóng xạ(1); - Xà phòng; - Liều kế cá nhân; - Liều kế trạm đo (1) - Găng tay chì (1); - Kính chì (1).	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
9	Tìm kiếm và thăm dò chuyên đề phóng xạ.	- Quần áo vải dầy và trơn; - Áo quần lót xuân hè; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Tất chống rét; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Quần áo chống lạnh(1); - Ủng cao su(2); - Áo mưa;	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

10	- Tuyển khoáng phóng xạ, nghiền giã quặng phóng xạ; - Nhân viên kỹ thuật làm việc tại vùng mỏ phóng xạ.	- Áo quần vải dày và trơn; - Áo quần áo lót xuân hè; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Quần áo, tất chống lạnh(1); - Ủng cao su(2);	(1) Trang bi cho người làm việc ở vùng rét. (2) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
11	- Làm việc trong các phòng, lí, hóa nghiệm phóng xạ. - Phân tích mẫu địa chất bằng phương pháp hóa, lý, nhiệt và cơ học.	- Áo choàng trắng; - Quần vải trắng; - Mũ vải trắng; - Găng tay cao su; - Dép xốp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay nilon; - Ủng cao su; - Khăn mặt bông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mặt nạ phòng độc (1) - Xà phòng;	(1) Trang bị dùng chung để sử dụng khi cần thiết.
12	Tiếp xúc với tia X, tia phóng xạ, siêu âm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay cao su chống phóng xạ; - Yếm chống tia Rơnghen và phóng xạ;	
13	Ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân.	- Bộ quần áo bảo vệ chống phóng xạ và nhiễm bẩn phóng xạ; - Mặt nạ chống phóng xạ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ bảo vệ chuyên dùng để ngăn ngừa tia phóng xạ; - Khăn mặt bông; - Ủng cao su; - Găng tay cáo su chống phóng xạ; - Yếm chống phóng xạ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học.	

IV. KHAI KHOÁNG

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
IV.1. Khai thác trong hầm lò.			

1	- Chống cuốc và vận tải trong lò chợ; - Chống cuốc trong lò (kể cả xây dựng và khai thác mỏ).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Ghệt vải hoặc tất vải(1); - Ủng cao su(2); - Bình tự cứu cá nhân; - Xà phòng; - Đèn lò; - Khăn mặt bông.	(1) Trang bị để dùng khi khai thác. (2) Trang bị để dùng khi cần thiết.
2	Điều khiển các loại máy khoan, búa khoan, đục lỗ mìn, nhồi thuốc bắn mìn (xây dựng và khai thác mỏ).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Ủng cao su(1); - Đèn lò; - Xà phòng; - Nút, bịt tai chống ồn; - Mặt nạ chống bụi - Trang bị mặt nạ phòng độc - Bộ quần áo mưa - Ghệt vải hoặc tất vải; - Khăn mặt bông.	(1) Trang bị để dùng khi cần thiết.
3	Mang thuốc và nhồi thuốc bắn mìn trong hầm lò (không khoan).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Bình tự cứu cá nhân; - Đèn lò; - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Nút, bịt tai chống ồn; - Ghệt vải hoặc tất vải.	(1) Trang bị để sử dụng khi cần thiết.
4	Vận hành hoặc lái các loại máy, thiết bị khai thác, xây dựng trong hầm lò (máy đào, máy xúc, máy đánh rạch, máy cào, máy xoắn ốc, quang	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Ủng cao su(1); - Bình tự cứu cá nhân;	(1) Trang bị để sử dụng khi cần thiết. (2) Trang bị theo máy để sử dụng khi cần thiết.

	lật).	- Đèn lò; - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cách điện(2); - Ủng cách điện(2);	
5	Mở máng, tháo máng, chọc máng, đổ khoáng sản vào xe goòng và đẩy xe goòng ra vào lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su(1); - Ghệt vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Bình tự cứu cá nhân; - Đèn lò; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng; - Khăn mặt bông	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
6	Vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị, máy trong hầm lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su(1); - Đệm vai; - Bình tự cứu cá nhân; - Đèn lò; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng; - Khăn mặt bông.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
7	Lái tàu điện vận tải khoáng sản trong lò ra.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Ủng cao su(1); - Bình tự cứu cá nhân; - Đèn lò; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Ghệt vải hoặc tất vải; - Khẩu trang lọc bụi;	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Găng tay vải bạt.	
8	Bắt nhíp và móc nối toa goòng tàu điện trong hầm lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Ủng cao su(1). - Bình tự cứu cá nhân; - Đèn lò; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Ghệt vải hoặc tất vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
9	Lắp đặt, sửa chữa định kỳ các loại máy, thiết bị khai thác và xây dựng mỏ trong hầm lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su(1); - Bình tự cứu cá nhân; - Đèn lò; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Ghệt vải hoặc tất vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Đệm vai.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
10	- Trực sửa chữa cơ khí, điện trong hầm lò; - Mắc và sửa chữa đường dây điện thoại, truyền thanh trong hầm lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Găng tay cách điện(1); - Ủng cách điện(1); - Bình tự cứu cá nhân; - Đèn lò; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; -Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Ghệt vải hoặc tất vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Đệm vai.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
11	- Lắp đặt, sửa chữa, thăm dò đường ống nước	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	(1) Trang bị chung để sử

	trong hầm lò; - Thợ sắt làm việc trong hầm lò.	- Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su[1]; - Bình tự cứu cá nhân; - Đèn lò; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; -Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Ghệt vải hoặc tất vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Đệm vai.	dụng khi cần thiết.
12	Thông gió, thoát nước vệ sinh đường trong hầm lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Bình tự cứu cá nhân; - Đèn lò; -Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Ghệt vải hoặc tất vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Bộ quần áo mưa chuyên dụng; - Ủng cao su.	
13	- Tu bổ, chống chữa lò; - Xây cuốn, xây cống rãnh trong hầm lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su[1]; - Bình tự cứu cá nhân; - Đèn lò; - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Ghệt vải hoặc tất vải; - Khẩu trang lọc bụi.	[1] Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
14	Đóng cửa gió trong lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Bình tự cứu cá nhân; - Đèn lò; - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Ghệt vải hoặc tất vải; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Ủng cao su;	
15	- Vận hành máy ép hơi; - Vận hành máy quạt gió vào lò; - Vận hành tời cho người và nguyên vật liệu lên xuống lò giếng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Bình tự cứu cá nhân; - Đèn lò; - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Ghệt vải hoặc tất vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cách điện(2)	(2) Trang bị theo máy để dùng khi cần thiết.
16	- Trắc địa làm việc trong hầm lò; - Lấy mẫu khoáng sản trong hầm lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp cho công nhân hầm lò (mũ thợ lò); - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Bình tự cứu cá nhân; - Đèn lò; - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Ghệt vải hoặc tất vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Đèn pin đội đầu.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
17	- Đóng cửa gió ngoài lò; - Đánh tín hiệu lò giếng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Đèn lò; -Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Ghệt vải hoặc tất vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Bộ quần áo mưa chuyên dụng; - Giầy vải bạt thấp cổ;	
IV.2. Khai thác lộ thiên và những việc làm trên tầng			
18	Vận hành máy khoan (xông đơ, BC, xe gầu xoay, xoay gầu, thủy lực, khoan búa supe).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay cách điện(1); - Ủng cách điện(1); - Áo mưa; - Khăn mặt bông; - Kính chống vật văng bắn; -Xà phòng;	(1) Trang bị theo máy để dùng khi cần thiết.

		- Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Ủng cao su; - Áo bông chống rét; - Bịt tai chống ồn.	
19	Điều khiển sửa chữa các loại búa khoan.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Đệm vai; - Đệm bụng; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa; - Xà phòng.	
20	Mang mìn và nhồi thuốc bắn mìn, nổ mìn (không khoan).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính chống các vật văng bắn; - Áo mưa; - Khăn mặt bông chống nắng; - Xà phòng.	
21	- Lái các loại máy gạt, ủi, cào, đóng cọc, dồn đống; - Lái các loại máy xúc chạy bằng dầu (kể cả phụ lái).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Nút tai chống ồn; -Xà phòng; - Ủng cao su; - Nẹp bụng(1) - Khẩu trang; - Áo bông chống rét.	(1) Trang bị theo máy để dùng chung
22	Lái máy xúc điện (kể cả phụ lái)	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay cách điện(1); - Ủng cách điện(1); - Áo mưa; - Xà phòng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống	(1) Trang bị theo máy để dùng khi cần thiết.

		chấn thương cơ học; - Ủng cao su; - Áo bông chống rét; - Nẹp bụng[1] - Khẩu trang.	
23	Tháo máng, chọc tải, mở máng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa; - Xà phòng; - Găng tay vải bạt; - Áo bông chống rét.	
24	- Khai thác và xây dựng mỏ: + Xúc chuyển, thải đất đá; + Xúc vận chuyển khoáng sản khai thác; - Chuyên đổ đầu tầng, xúc lên goòng và đẩy goòng, xúc lên ô tô, lên toa tàu; - San lấp, thu dọn, dồn đống, vận chuyển ở kho bãi chứa khoáng sản.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.	Nữ được trang bị thêm khăn choàng chống bụi, nắng nóng (1,2m x 0,8m).
25	Đào hào, đào giếng (thăm dò và khai thác khoáng sản).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su[1]; - Xà phòng; - Áo mưa.	[1] Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
26	Lái tàu điện trên tầng ngoài lò của các mỏ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng; - Áo mưa.	
27	- Đánh tín hiệu đầu đường (đánh móc); - Điều độ xe ra vào moong và bãi thải.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng;	[1] Trang bị để dùng chung khi cần thiết.

		- Áo phản quang; - Ủng cao su; - Áo bông chống rét; - Áo phản quang; - Khẩu trang lọc bụi; - Cờ hiệu(1) - Còi (1) - Áo mưa.	
28.	Vận hành băng tải, kiểm tra loại thải đá và các tạp chất trên băng chuyền, trên toa xe và ở kho bãi chứa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải(1); - Găng tay cao su; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; -Khăn choàng chống bụi, nắng, nóng; - Xà phòng; - Ủng cao su; - Áo mưa(2).	(1) Thay bằng Mũ, nón chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời. (2) Trang bị cho người làm việc ngoài trời.
29	Phục vụ chân trục (móc ngáo, đóng tay khoá, kéo cáp, chén máy xúc).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng; - Áo mưa.	
30	Lấy mẫu khoáng sản ở trên tầng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng; - Áo bông chống rét; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Áo mưa.	
31	Chuẩn bị dụng cụ, nguyên vật liệu để sản xuất, cấp phát dụng cụ, phương tiện cho công nhân sản xuất hàng ngày; mang dụng cụ ra nơi làm việc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Xà phòng.	
32	- Kiểm tu và sửa chữa xe máy ở hiện trường khai thác mỏ lộ thiên; - Lắp đặt, tháo dỡ, di	- Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng;	

	chuyển máy, thiết bị ở hiện trường khai thác và xây dựng mỏ lộ thiên.	- Quần áo bảo hộ; - Áo bông chống rét; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa; - Đèn soi đeo đầu	
33	Vận hành máy bơm nước dưới moong.	- Quần áo bảo hộ phổ thông; - Áo bông chống rét; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Bộ quần áo đi mưa; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng; - Áo phao (1) - Phao cứu sinh tròn (1) - Kính bơi (1) - Đèn soi đeo đầu (1)	(1) Trang bị cho từng trạm bơm để dùng chung
IV.3. Nghiền - Sàng - Tuyển			
33	Đập, sàng chọn đá, quặng, than (làm thủ công) ở nhà sàng và các kho bãi chứa mở máng, kéo trang.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải(1); - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2m x 0,8m)(1); - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng; - Áo bông chống rét; - Áo mưa.	(1) Trang bị thay bằng Mũ, nón chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời.
34	- Vận hành máy sàng rung; - Vận hành máy đập, máy kẹp, máy nghiền khoáng sản; - Vận hành máy lọc, máy phân ly khoáng sản (than, quặng).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải(1); - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng; - Găng tay cao su; - Áo mưa.	(1) Thay bằng Mũ, nón chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời.
35	- Vận hành máy rửa quặng (dùng nước để rửa);	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải(1);	(1) Thay bằng Mũ, nón chống mưa nắng cho

	- Vận hành máy súng nước, máy bơm nước; - Đãi khoáng sản, xúc dọn ở máy rửa.	- Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt bẩn; - Khăn mặt bông; - Xà phòng; - Găng tay cao su; - Áo mưa.	người làm việc ngoài trời.
36	Đãi khoáng sản thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt bẩn; - Khăn mặt bông; - Xà phòng; - Áo mưa.	
37	Lên thung nhà sàng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng; - Áo mưa.	(1) Thay bằng Mũ, nón chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời.
38	Phân loại quặng bằng nam châm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng; - Áo mưa.	
39	- Kéo tời, chèn tời, chèn xe, đóng chốt, tháo va gông; - Đẩy xe, bắn xe.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải(1); - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng; - Áo mưa.	(1) Thay bằng Mũ, nón chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời.
40	Đóng cửa, quét ô gọi xe ở nhà sàng cân khoáng sản hoặc bến bãi chứa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải(1); - Găng tay vải bạt;	(1) Thay bằng Mũ, nón chống mưa nắng cho người làm việc

		- Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng; - Áo mưa.	ngoài trời.
41	Chọn hố bùn, mở van bùn và dọn hầm quang lật.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ hoặc nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Khăn mặt bông; - Xà phòng; - Áo mưa.	
42	- Chèn cân, sửa chữa cân ở bến bãi chứa khoáng sản (loại cân lớn nguyên toa, nguyên xe); - Sửa chữa cơ điện ở nhà sàng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng; - Găng tay cách điện; - Áo mưa.	

V. KHAI THÁC - VẬN CHUYỂN - CHẾ BIẾN – TÀNG TRỮ - PHÂN PHỐI SẢN PHẨM DẦU KHÍ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	- Kíp trưởng, kỹ thuật dàn khoan; - Khoan sâu; - Bắn mìn, thử vỉa; - Sửa chữa khoan bơm; - Xây lắp tháp khoan; - Chạy máy điêzen (diesel) ở giàn khoan; - Thợ điện trên dàn khoan; - Thợ khảo sát giếng khoan; - Đo liều lượng phóng xạ giếng khoan; - Thợ vận hành trạm bơm ép vỉa; - Thợ vận hành trạm nén khí, máy nén khí;	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Nút tai chống ồn; - Mũ an toàn công nghiệp có bộ phận vải trùm vai hoặc có vành che; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(1); - Áo phao(2); - Khăn bông trùm đầu(3);	(1) Trang bị chung để sử dụng trong trường hợp cần thiết. (2) Trang bị để sử dụng khi làm việc trên biển. (3) Trang bị cho người làm việc trực tiếp với xăng dầu.

	- Thợ nguội sửa chữa thiết bị khoan trên biển; - Thợ khai thác.		
2	- Thợ xử lý hoá phẩm; - Bơm trám xi măng; - Sản xuất dung dịch khoan.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Găng tay vải bạt; - Mũ an toàn công nghiệp; - Nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay chống axít, kiềm; - Yếm chống axít, kiềm; - Ủng chống axít, kiềm; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(1); - Áo phao(2)	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. (2) Trang bị để dùng khi làm việc trên mặt biển.
3	Xây lắp các công trình dầu khí.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy da, giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Mũ an toàn công nghiệp có bộ phận vải trùm vai hoặc có vành che; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh (1); - Áo phao (2); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Đệm vai; - Khăn bông trùm đầu (3)	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. (2) Trang bị để dùng khi làm việc trên mặt biển. (3) Trang bị cho người làm việc trực tiếp với xăng dầu.
4	Thợ hàn các công trình dầu khí.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy da, giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Mũ an toàn công nghiệp có bộ phận vải trùm vai hoặc có vành che; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(1);	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. (2) Trang bị để dùng khi làm việc trên mặt biển. (3) Trang bị cho người làm việc trực tiếp với xăng dầu.

		- Áo phao[2]; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mặt nạ hàn; - Kính hàn hơi; - Găng tay cách điện; - Ghệt vải bạt; - Đệm vai; - Khăn bông trùm đầu[3]; - Thiết bị dò khí độc cá nhân.	
5	Kỹ thuật lấy mẫu nước.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Mũ an toàn công nghiệp; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao[1]; - Phao cứu sinh[1]; - Áo phao[2]; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su; - Đệm vai;	[1] Trang bị chung để dùng khi cần thiết. [2] Trang bị cho người làm việc trên mặt biển.
6	Thợ vận hành hệ thống dẫn khí, dẫn dầu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp có bộ phận vải trùm vai hoặc có vành che; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng[1]; - Nút tai chống ồn[1]; - Găng tay cách điện[1]; - Ủng cao su[1]; - Khăn bông trùm đầu[2]; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học[2]; - Thiết bị dò khí độc cá nhân	[1]Trang bị chung để dùng khi cần thiết. [2] Trang bị cho người làm việc trực tiếp với xăng dầu.
7	Thợ sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống dẫn khí, dẫn dầu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp có bộ phận vải trùm vai hoặc có vành che; - Giầy da cao cổ chống dầu; - Găng tay chống dầu; - Áo mưa;	[1] Trang bị chung để dùng khi cần thiết. [2] Trang bị cho người làm việc trực tiếp với xăng dầu.

		- Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Nút tai chống ồn(1); - Găng tay cách điện(1); - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Khăn bông trùm đầu(2); - Thiết bị dò khí độc cá nhân.	
8	Chống ăn mòn kim loại cho các công trình dầu khí (phun cát, phun nhôm, phun sơn).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy da cao cổ chống dầu; - Găng tay chống dầu; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Găng tay vải bạt; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(1); - Áo phao(2)	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. (2) Trang bị khi làm việc trên mặt biển.
9	Hóa nghiệm xăng dầu.	- Quần áo bảo hộ lao động; - Mũ an toàn; - Găng tay cao su; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng.	
10	Vận hành máy, thiết bị sản xuất các hoá phẩm dầu khí.	-Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Kính chống axít(1); - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ(1); - Găng tay chống axít, kiềm(1); - Ủng cao su chống dầu, axít(1); - Bán mặt nạ phòng độc(1); - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy da cao cổ mũi sắt(1); - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Quần áo chống axít(1); - Áo mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mũ vải; - Khẩu trang; - Thiết bị dò khí độc cá nhân; - Liều kế cá nhân.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi làm việc trực tiếp với axít.
11	Sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị sản xuất hóa phẩm dầu khí.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1);	(1) Trang bị chung để sử dụng khi làm

		- Kính chống axít(1); - Găng tay chống dầu(1); - Găng tay chống axit, kiềm(1); - Ủng chịu dầu, axít(1); - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy da cao cổ mũ sắt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Quần áo chống axít(1); - Áo mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cách điện(2); - Mặt nạ hàn(2); - Kính hàn hơi(2); - Dây an toàn chống ngã cao(2); - Thiết bị dò khí độc cá nhân	việc trực tiếp với axít. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết
12	- Nấu lọc, tái sinh dầu; - Pha chế dầu mỡ nhờn.	-Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1)	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết
13	Phân tích mẫu địa hoá, cổ sinh, thạch học, cơ lí, hoá phẩm, môi trường: dầu, nước, không khí nhiễm bẩn, nước thí nghiệm dầu.	- Áo choàng vải trắng/hoặc quần áo bảo hộ đặc thù; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Kính chống hóa chất văng bắn; - Nút tai chống ồn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
14	Thử độc hại đối với sinh vật (phân tích môi trường).	- Áo choàng vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng;	
15	Xử lý chất thải (phân tích môi trường).	-Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống bức xạ; - Giầy chống rung, dầu mỡ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay chống hóa chất; - Nút tai chống ồn; - Mũ an toàn công nghiệp; - Phao cứu sinh(1);	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết (2) Trang bị khi làm việc trên mặt biển.

		- Áo phao(2);	
16	Kiểm tra không phá hủy (phương pháp tia X tia γ, hạt từ, thẩm thấu, rửa phim), thực địa hiện trường (phân tích môi trường).	-Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống bức xạ; - Giầy chống rung, dầu mỡ; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Mũ an toàn công nghiệp; - Phao cứu sinh(1); - Áo phao(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết (2) Trang bị khi làm việc trên mặt biển.
17	- Giao nhận, đo xăng dầu trong kho hang hầm; - Vận hành máy bơm xăng, thông gió trong kho hang hầm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Bình dưỡng khí(1); - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người tiếp xúc trực tiếp với hơi xăng dầu.
18	- Giao nhận, đo xăng dầu, khí hoá lỏng (gas) ở các phương tiện chứa đựng đặt trong nhà, ngoài trời, trên tàu, xà lan, vận tải xăng dầu; - Đong rót xăng, dầu, khí hóa lỏng (gas) vào các phương tiện vận tải, chứa đựng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Bình dưỡng khí(1); - Giầy chống xăng, dầu mỡ, chống trơn trượt; - Quần áo mưa; - Bộ quần áo thợ lặn(2); - Phao cứu sinh(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc trực tiếp với xăng dầu. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
19	- Xúc rửa phuy xăng dầu; - Xúc rửa tàu, xà lan, bể, va gông, ô tô, xitéc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ; - Ủng cao su chống dầu(1); - Áo mưa; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Bình dưỡng khí(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị khi làm việc trong thùng hoặc bể.
20	Cạo rỉ, sơn, hàn các phương tiện chứa xăng dầu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt;	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Mặt nạ hàn(1); - Xà phòng.	
21	Bảo quản, sửa chữa, giải quyết sự cố đường ống, hố van, máy bơm xăng dầu và bể dầu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
22	- Sửa chữa bến bãi xuất nhập xăng dầu; - Nạo vét cống rãnh, cặn bẩn xăng dầu, gạn váng dầu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su chống dầu; - Xà phòng.	
23	Bốc xếp, vần lăn phuy xăng dầu, khí hóa lỏng (gas), nhựa đường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy mũi cứng thấp cổ, chống va đập, chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo mưa; - Xà phòng.	
24	Tháo lắp, sửa chữa cột bơm xăng dầu và một số thiết bị khác.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Găng tay cách điện; - Ủng cách điện(1); - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Áo mưa; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
25	Bán lẻ xăng, dầu mỡ, khí hóa lỏng tại các cửa hàng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải;	

		- Găng tay vải bạt; - Giầy mũi cứng thấp cổ chống va đập, chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo mưa; - Xà phòng.	
26	Sĩ quan, thuyền viên làm việc trên tàu vận chuyển xăng dầu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày/ủng chống xăng, dầu, chống trơn trượt; - Găng tay vải bạt; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ(1); - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Bình dưỡng khí(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
27	Lái, phụ xe vận chuyển xăng dầu, khí hoá lỏng (gas) và các hoá chất khác.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Quần áo mưa; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy da thấp cổ chống xăng dầu, chống trơn trượt; - Xà phòng.	
28	Nhân viên ứng cứu sự cố dầu tràn.	- Quần áo bảo hộ lao động chống dầu; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Ủng cao su chống dầu; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ; - Quần áo mưa; - Phao cứu sinh(1); - Kính chống hóa chất; - Khẩu trang chống bụi; - Mặt nạ/bán mặt nạ phòng độc; -Thiết bị dò khí độc cá nhân; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi làm việc trên mặt nước.

VI. LÂM NGHIỆP

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Điều tra, đo đạc khảo sát tài nguyên rừng: thiết kế	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	

	xác minh chuẩn bị rừng khai thác, tìm kiếm, tìm kiếm lâm sản động thực vật, thu hái hạt giống cây ở rừng núi cao, hải đảo.	- Mũ, nón chống mưa nắng; - Áo mưa; - Giầy đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
2	- Chặt hạ gỗ bằng máy, bằng tay; - Vận xuất gỗ (thủ công và bằng cáp), lẵng gỗ đường suối; - Thả và thu hoạch cánh kiến; - Săn bắt thú rừng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Quần áo chống lạnh (1); - Mũ chống lạnh (1); - Áo mưa; - Giầy đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi làm việc ở vùng rét.
3	- Khai thác tre, nứa, song, mây, củi, lá cọ ở rừng núi; Khai thác phụ liệu đóng bè, lao xeo; - Đốt than hầm, than hoa (kể cả chất xếp củi, vận chuyển than ra) trong rừng núi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Quần áo chống lạnh (1); - Mũ chống lạnh (1); - Đệm vai; - Áo mưa; - Giầy đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi làm việc ở vùng rét.
4	Khai thác nhựa thông, nhựa trám, sơn ta, dầu trái, quả có dầu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Áo mưa; - Giầy đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
5	- Khoan hố, đào hố (thủ công, bằng máy); - Tu bổ vệ sinh rừng: trồng cây gây rừng các vùng đồi trọc ven biển và ở miền rừng núi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa;	

		- Giầy đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Xà phòng.	
6	Xẻ gỗ thủ công tại rừng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Áo mưa; - Giầy đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
7	Mở đường để vận chuyển lâm sản từ nơi khai thác ra bến bãi đầu nguồn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Áo mưa; - Giầy đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Găng tay vải bạt; - Phao cứu sinh(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
8	Điều khiển, nuôi và chăm sóc (kể cả cắt cỏ) cho trâu, voi kéo gỗ ở vùng rừng núi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy đi rừng cao cổ; - Áo mưa; - Xà phòng.	
9	- Đóng cốn, xuôi bè; - Mò, vớt gỗ chìm ở sông, ngòi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Phao cứu sinh; - Quần áo và mũ chống lạnh(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
10	Xeo, bẩy, bốc vác, chất, xếp gỗ củi và các lâm sản ở các bến bãi (khai thác lâm sản).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Tất chống vắt; - Xà phòng.	
11	Phân loại, đánh dấu, đo, đếm giao nhận gỗ, tre nứa và các lâm sản khác ở kho hoặc bãi chứa lâm	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng (1); - Quần áo chống lạnh (2);	(1) Trang bị cho người làm việc ngoài trời. (2) Trang bị cho

	sản.	- Mũ chống lạnh [2]; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Xà phòng.	người làm việc ở vùng rét
12	Làm vườn ươm cây ở rừng núi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy đi rừng cao cổ; - Tất chống vắt; - Quần áo chống lạnh [1]; - Mũ chống lạnh [1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị khi làm việc ở vùng rét.
13	Kiểm lâm	- Giầy đi rừng cao cổ[1]; - Tất chống vắt; - Mũ, nón chống mưa nắng[1]; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông[1]; - Bộ Quần áo chống lạnh[2]; - Áo mưa; - Ủng cao su[3]; - Xà phòng.	[1] Nếu đã trang bị đồng phục thì thôi những trang bị này. [2] Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. [3] Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
14	Phòng chống cháy rừng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ; - Áo mưa; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng[1]; - Quần áo chống nóng, chống cháy[1]; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	[1] Trang bị để dùng trong các tình huống khẩn cấp.

VII. CHẾ BIẾN GỖ - THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	- Chuyển gỗ ở sông, hồ lên bờ (tháo bè, chọn gỗ nứa, móc cáp và điều khiển tời); - Xeo, bẩy, chọn phân loại, bốc xếp, vận chuyển gỗ ra vào kho bãi, nơi cưa xẻ, bốc xếp	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo phao[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị cho người làm việc ở sông, hồ.

	lên các phương tiện vận tải; - Chuyên điều khiển tời kéo gỗ.		
2	Xẻ gỗ ở máy cưa đĩa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Yếm da; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang/bán mặt nạ lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
3	- Xẻ gỗ ở máy cưa vòng, cưa sọc; - Cưa gỗ ở máy cưa vuông cạnh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
4	Xẻ gỗ thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
5	- Bốc xếp, vận chuyển các loại gỗ đã xẻ vào kho, lên xuống các phương tiện vận tải; - Thu dồn, chất xếp, vận chuyển các loại phế liệu gỗ, dọn vệ sinh ở cơ sở chế biến gỗ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Đệm vai[(1)]; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	[(1)] Trang bị để dùng khi cần thiết.
6	- Cắt khúc gỗ, cắt đầu mẩu gỗ ở máy cưa; - Đứng máy bóc, máy cắt gỗ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
7	- Ghép ván, phay gỗ dán, xếp và xén gỗ bằng máy; - Đứng máy chế biến	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ;	

	gỗ.	- Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
8	- Bốc xếp gỗ ra vào bể hấp; - Đảo trộn gỗ trong bể hấp; - Hun sấy gỗ, uốn nóng gỗ, buộc tre nứa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Đệm vai; - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi làm việc trong bể hấp.
9	- Pha chế dung dịch để ngâm tẩm; - Quét, phun thuốc chống mối và mọt; - Tráng keo và dán.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Khẩu trang lọc bụi; - Yếm chống hóa chất; - Xà phòng.	
10	Đảo trộn gỗ trong bể ngâm tẩm và bốc xếp gỗ ra vào bể ngâm tẩm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Đệm vai(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi bốc xếp.
11	- Vận hành máy ép mùn cưa, dăm bào; - Vận hành máy ép gỗ, máy sấy gỗ và vận chuyển gỗ ra vào máy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Đệm vai(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi mang vác gỗ lớn.
12	Chọn phân loại và chất xếp gỗ dán.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
13	Phơi chải gỗ mốc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ;	

		- Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
14	Vận hành máy đánh bóng gỗ và vận chuyển gỗ ra vào máy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Đệm vai; - Xà phòng.	
15	Đánh bóng gỗ, đánh véc - ni thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang có than hoạt tính - Xà phòng.	
16	Mộc: đóng ráp mới và sửa chữa các loại tàu thuyền, xà lan, canô, toa xe lửa, thùng xe ô tô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
17	Mộc: cầu phà, cốp pha, giàn giáo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Đệm vai; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi làm việc trên cao. (2) Trang bị chung để dùng khi làm việc ở trên sông nước.
18	Mộc: đóng các loại đồ gỗ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
19	Mộc: làm mỹ nghệ, sơn mài, trạm trổ, giáo cụ trực quan, đồ chơi trẻ em.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	
20	- Cắt, mài răng cưa; - Hàn nối lưỡi cưa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính chống bức xạ; - Xà phòng.	
21	Trông giữ bè, gỗ, tre nứa ở bến sông, hồ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Phao cứu sinh(1);	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Xà phòng.	
22	- Đốt lò nấu cánh kiến, nhựa thông, nhựa trám, keo nâu. - Chế biến ta-nanh: băm, giã củ nâu, nhuộm nan mành.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải[1]; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang có than hoạt tính; - Xà phòng.	[1] Thay bằng Mũ, nón chống mưa nắng cho người làm việc ngoài trời.
23	Làm đồ mỹ nghệ từ khoáng vật, xương động vật, gỗ quí.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
24	Chế tác sản phẩm mỹ nghệ từ vỏ trai, làm nhân ngọc trai.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
25	Tinh luyện vàng bạc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
26	Sản xuất đồ mỹ nghệ vàng, bạc.	- Áo choàng vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	

III. NĂNG LƯỢNG - ĐIỆN

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
		VIII.1. Vận hành lò hơi	
1	Vận hành các loại lò hơi nhiên liệu rắn (đốt thủ công): - Đốt lò, đánh lửa; - Sàng than qua lửa.	- Quần áo vải bạt mỏng; - Quần áo vải bạt dầy[1]; - Quần áo cách nhiệt - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy cách nhiệt cao cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống	[1] Trang bị cho công nhân đốt lò.

		chấn thương cơ học; - Kính chống bức xạ;	
2	Vận chuyển than, xỉ ra vào nhà lò (lò đốt nhiên liệu rắn thủ công).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Quần áo cách nhiệt - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy da cao cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Ủng cao su; - Áo mưa;	
3	Đốt lò hơi nhiên liệu rắn (cơ khí hoá khâu vào nhiên liệu, thải xỉ).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính chống bức xạ;	
4	Điều khiển các loại máy, thiết bị phục vụ lò hơi đốt nhiên liệu rắn (cơ khí hóa khâu vào nguyên liệu và thải xỉ).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ;	
5	Đốt lò hơi nhiên liệu lỏng (cơ khí hóa khâu vào nhiên liệu, thải xỉ).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Kính chống bức xạ;	
6	Điều khiển các loại máy, thiết bị phục vụ lò hơi đốt nhiên liệu lỏng (cơ khí hóa khâu vào nhiên liệu, thải xỉ).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Giầy chống xăng, dầu mỡ;	
7	Xử lí nước cấp cho lò hơi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Ủng cao su;	
8	Kiểm nhiệt lò (nhiệt công).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Quần áo cách nhiệt	
VIII.2. Vận hành máy phát điện, đường dây và trạm biến áp			
9	Vận hành tuốc bin các loại.	- Quần áo vải dầy; - Mũ an toàn công nghiệp; - Nút tai chống ồn;	

		- Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Giầy vải bạt thấp cổ;	
10	Vận hành máy điêzen (diesel).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Nút tai chống ồn; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Khẩu trang than hoạt tính - Găng tay cách điện; - Ủng cách điện; - Bút thử điện;	
11	Vận hành máy phát điện.	- Quần áo vải dầy; - Giầy vải bạt; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Găng tay cách điện(1); - Ủng cách điện(1); - Phao cứu sinh(2); - Áo phao(3); - Nút tai chống ồn; - Bút thử điện.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị chung để sử dụng khi làm việc trên mặt nước sâu. (3) Trang bị cho người làm việc trên các giàn khoan ngoài biển.
12	Quản lí, vận hành đường dây và trạm phân phối điện.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Găng tay cách điện(1); - Ủng cách điện(1); - Phao cứu sinh(2); - Áo phao(3); - Quần áo chống điện từ trường (4) ; - Giày bảo hộ lao động; - Dây đeo an toàn; - Găng tay chống cắt; - Áo, quần đi mưa; - Kính bảo hộ lao động; - Bút thử điện; - Sào cách điện;	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị chung để dùng khi làm việc trên mặt nước sâu. (3) Trang bị cho người làm việc trên các giàn khoan ngoài biển. (4) Trang bị cho người làm việc với đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 220kV trở lên.
13	Các công việc tại bể lắng của nhà máy thủy điện.	- Quần áo vải dầy; - Áo mưa; - Mũ an toàn công nghiệp; - Ủng cao su;	

		- Quần áo chống nước; - Mặt nạ phòng độc; - Găng tay cao su.	
14	Các công việc tại các công trình đập tràn các nhà máy thủy điện	- Quần áo bảo hộ lao động vải dầy; - Quần áo mưa; - Găng tay vải bạt; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Ủng cao su chống trơn trượt; - Dây đeo an toàn; - Dây cứu sinh;	
15	Quản lí, vận hành đường dây truyền tải	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày bảo hộ lao động; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Dây đeo an toàn; - Găng tay vải; - Găng tay cách điện(1); - Găng tay chống cắt (1); - Ủng cách điện (1); - Phao cứu sinh (2); - Áo phao (3); - Quần áo chống điện từ trường (4); - Áo, quần đi mưa; - Kính bảo hộ lao động; - Bút thử điện; - Sào cách điện;	1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị chung để dùng khi làm việc trên mặt nước sâu. (3) Trang bị cho người làm việc trên trên sông nước và mùa mưa lũ. (4) Trang bị cho người làm việc với đường dây và trạm biến áp có
16	Quản lí, vận hành trạm truyền tải điện	- Quần áo lao động phổ thông; - Giày bảo hộ lao động; - Mũ chống chấn thương sọ não (mũ an toàn công nghiệp); - Khẩu trang phòng độc (mặt nạ phòng độc); - Dây đeo an toàn; - Mũ bảo vệ cả đầu chống sát thương(1); - Áo bảo hộ chống sát thương (2); - Găng tay vải; - Găng tay cách điện; - Găng tay chống cắt; - Ủng cách điện; - Quần áo chống điện từ trường; - Áo mưa; - Kính bảo hộ lao động; - Bút thử điện; - Sào cách điện.	(1) làm việc trong điều kiện thiết bị có nguy cơ nổ. (2) áo có khả năng chống được các mảnh vỡ bắn ra khi thiết bị nổ.
17	Các công việc tại	- Quần áo bảo hộ lao động;	

	đường ống áp lực của nhà máy thủy điện	- Áo, quần đi mưa; - Mũ an toàn công nghiệp; - Ủng cao su; - Mặt nạ phòng độc; - Dây đeo an toàn.	
VIII.3. Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo dưỡng thiết bị điện			
18	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị trong trạm điện và đường dây dẫn điện trần (điện cao thế và hạ thế, điện thoại, điện báo, truyền thanh, truyền hình).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Giầy bảo hộ lao động; - Dây đai an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(1); - Quần áo và mũ chống lạnh(2); - Găng tay cách điện; - Áo mưa; - Giày bảo hộ lao động; - Kính bảo hộ lao động; - Bút thử điện; - Sào cách điện;	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. (2) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
19	Lắp đặt, sửa chữa đường dây cáp ngầm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Ủng cao su hoặc Giầy vải bạt thấp cổ, đế mềm; - Phao cứu sinh(1); - Găng tay cách điện; - Khẩu trang than hoạt tính. - Bút thử điện; - Sào cách điện; - Kính bảo hộ lao động; - Bộ quần áo mưa.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
20	Treo, tháo đồng hồ điện ở các trạm và hộ tiêu thụ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Găng tay cách điện; - Găng tay vải bạt hoặc găng sợi; - Bút thử điện; - Sào cách điện; - Bộ quần áo mưa; - Giày bảo hộ lao động; - Kính bảo hộ lao động.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
21	Thí nghiệm thiết bị điện.	- Quần áo vải dầy; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cách điện(1); - Găng tay cách điện(1);	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Bút thử điện;	
22	Thí nghiệm dầu, thay dầu, lọc dầu, tái sinh dầu máy biến thế.	- Quần áo vải dầy; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc hơi, khí độc; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ; - Giầy vải chống dầu; - Ủng cao su chống dầu(1);	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
23	Lắp đặt, sửa chữa các thiết bị điện cho nơi làm việc: - Xí nghiệp; - Công trường; - Mỏ lộ thiên.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Đệm vai; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải đế cao su cách điện; - Ủng cách điện(1); - Găng tay cách điện(1); - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Áo mưa(2); - Găng tay vải bạt hoặc găng sợi. - Bút thử điện.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị cho người làm việc ngoài trời.
24	- Tẩm sấy cách điện; - Quấn, tẩm sấy và sửa chữa động cơ điện, máy quạt điện, máy biến thế điện.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay cách điện; - Bút thử điện.	
25	Pha chế axít: bảo dưỡng, sửa chữa, xúc, nạp ắc qui.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Ủng cao su chịu a xít; - Quần áo chịu axit; - Yếm cao su chịu a xít; - Găng tay chống axit, kiềm; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc; - Kính chống a xít;	
26	Bảo dưỡng, sửa chữa các loại máy phát điện, nguồn điện, nguồn điều hòa trung tâm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Dây đai an toàn chống ngã cao; - Mũ an toàn công nghiệp - Găng tay vải bạt hoặc găng tay sợi; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay cách điện (1); - Ủng cách điện(1); - Sào cách điện; - Bút thử điện.	(1) Trang bị dùng chung.
27	Sửa chữa, bảo dưỡng nóng lưới điện (Hotline).	- Quần áo lao động phổ thông; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Dây an toàn chống ngã cao; - Găng tay vải bạt thấp cổ;	

		- Găng tay cách điện; - Ủng cách điện; - Vai áo cao su cách điện; - Phao cứu sinh; - Áo phao; - Quần áo chống điện từ trường	

IX. LUYỆN KIM - ĐÚC

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
		IX.1. Luyện cốc	
1	Vận hành, đứng máy nghiền, sàng, băng tải cung cấp nguyên nhiên liệu cho lò luyện.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ vải bạt trùm vai hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với bùn nước.
2	- Lái xe rót than, tống, chặn, đập cốc; Vận hành băng tải than cốc; - Kĩ thuật lò cốc.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc mũ vải bạt trùm vai hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang phòng độc; - Găng tay vải bạt; - Giầy da thấp cổ; - Kính chống các vật văng bắn hoặc Kính chống bức xạ; - Khăn mặt bông; - Áo mưa; - Xà phòng.	
3	Vận hành các thiết bị cốc hoá.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc mũ vải bạt trùm vai hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt hoặc giầy da thấp cổ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
		IX.2. Luyện - Đúc - Cán kim loại.	
4	- Vận hành máy, thiết bị đập, nghiền, sàng, trộn, tuyển rửa nguyên liệu;	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Nút tai chống ồn;	(1) Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với bùn

	- Cân nguyên nhiên liệu; - Lái và điều khiển các loại máy, thiết bị nạp hoặc dỡ liệu cho lò.	- Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy da lộn; - Ủng cao su(1); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	nước.
5	Làm sạch vật đúc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Khăn mặt bông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
6	Coi nước, gió nóng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ vải bạt trùm vai hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
7	Đứng máy thiêu kết, băng chuyền nóng.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Kính chống bức xạ; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Giầy da cao cổ; - Xà phòng.	
8	- Vận hành tại trung tâm: vận hành lò điện, lò cao để nung luyện, nấu chảy quặng, kim loại hoặc hợp kim; - Vận hành máy đúc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Mũ vải hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc; - Quần áo chống cháy đặc chủng; - Kính chống bức xạ; - Găng tay chịu nhiệt;	

		- Giày chịu nhiệt. - Xà phòng.	
9	Pha trộn vật liệu làm khuôn đúc: - Sàng rửa cát, làm dung dịch đất sét pha trộn vật liệu; - Nghiền sàng than, phấn chì, làm dầu bôi trơn khuôn đúc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
10	- Làm khuôn; - Sấy khuôn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ(1); - Xà phòng.	(1) Thay bằng giầy da thấp cổ chống dầu cho người làm việc tiếp xúc trực tiếp với dầu.
11	- Chuẩn bị phôi liệu đúc; - Phá khuôn đúc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
12	- Sấy thùng rót kim loại; - Đưa nguyên liệu, phụ gia vào lò; - Nấu, rót kim loại lỏng vào khuôn đúc; - Cắt phôi; - Đứng điều khiển, thao tác các dòng sản phẩm kim loại nóng.	- Quần áo vải bạt; - Quần áo chống nhiệt và lửa; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn hoặc Kính chống bức xạ; - Găng tay da; - Yếm da; - Ống chân da; - Giầy da cao cổ; - Khăn mặt bông; - Đệm vai(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
13	- Nấu chì hợp kim; - Đúc chữ chì.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Ủng cao su cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc; - Kính chống bức xạ; - Xà phòng.	

14	- Vận hành hoặc đứng máy, thiết bị cán thỏi, cán thô, cán tinh, cưa cắt kim loại nóng. - Lái máy, thiết bị phục vụ chính cho cán.	- Quần áo vải bạt; - Giầy da cao cổ[1]; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống bức xạ; - Nút tai chống ồn; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	[1] Lái máy có thể thay bằng giầy vải bạt thấp cổ.
15	Cán kim loại bằng phương pháp thủ công.	- Quần áo vải bạt; - Giầy da cao cổ; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
16	Hoàn thiện sản phẩm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt hoặc giầy da thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
17	Lấy mẫu, kiểm định (gia công) mẫu.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt hoặc giầy da cao cổ; - Kính chống bức xạ[1]; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học[2]; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	[1] Trang bị để sử dụng khi lấy mẫu. [2] Trang bị để sử dụng khi kiểm định mẫu.
18	Xử lí, thải đổ xỉ rác.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải bạt trùm vai hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống bức xạ; - Áo mưa; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
19	Phá, đầm tường, xây lò	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	

	để luyện, nung hoặc nấu kim loại.	- Giầy vải bạt thấp cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
20	Nhân viên hóa nghiệm.	- Áo choàng vải trắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
21	Kiểm tra chất lượng sản phẩm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; -Áo mưa; - Xà phòng.	

X. CƠ KHÍ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
		X.1. Gia công kim loại	
1	Gia công kim loại nguội (kể cả làm bằng máy và thủ công).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Giày chống đâm thủng, cứa rách, va đập; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai chống ồn; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
2	Gia công kim loại (có nung nóng), kể cả làm bằng máy và thủ công.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải bạt trùm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ; - Ghệt vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
3	Gia công kim loại trên máy cắt gọt (trừ mài khô và gia công gang):	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ;	

	tiện, phay, bào, mài ướt, khoan.	- Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
4	- Gia công gang trên máy cắt gọt và mài kim loại không có lưới dung dịch (mài khô); - Tiện, phay, khoan bào gang; - Mài khô (kim loại các loại).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
5.	Gia công, hàn cắt kim loại bằng điện (hàn điện).	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Giầy hoặc ủng cách điện; - Ghệt vải bạt; - Mặt nạ hàn; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang lọc độc; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
6.	Gia công hàn cắt kim loại bằng hơi kĩ thuật (hàn hơi): - Hàn đồng (hàn nóng chảy); - Hàn nhôm, crôm.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Giầy da cao cổ; - Ghệt vải bạt; - Kính hàn hơi; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
7	Tôi, ủ, thấm nhuộm, ram kim loại.	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải bạt trùm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy hoặc ủng cách điện; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
8	Hàn vi điện tử.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt cao cổ;	

		- Găng tay cách điện; - Xà phòng.	
9	Hàn thiếc, chì.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Yếm da; - Giầy hoặc ủng cách điện; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
10	Chế bản ăn mòn kim loại	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông - Mũ vải - Bán mặt nạ chuyên dùng; - Yếm hoặc tạp dề cao su chống axít(1); - Ủng chống axít, kiềm(1); - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
X.2. Chống ăn mòn kim loại			
11	- Làm sạch phôi bằng hóa chất; - Tẩy rỉ thiết bị và phụ tùng bằng hóa chất.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Yếm cao su chống axít; - Ủng chống axít, kiềm; - Găng tay chống axít, kiềm; - Xà phòng.	
12	- Làm sạch phôi bằng cơ học (cả máy và tay); - Đánh bóng sản phẩm sau khi mạ; - Mạ crôm, đồng kẽm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng chống axít, kiềm(1); - Yếm tạp dề chống axít(1); - Găng tay chống axít, kiềm(1); - Khẩu trang lọc bụi (2); - Bán mặt nạ phòng độc (3); - Tấm chắn chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm nghề, công việc mạ crôm, đồng kẽm. (2) Trang bị khi làm sạch phôi bằng cơ học (cả máy và tay); đánh bóng sản phẩm sau khi mạ (3) Trang bị khi mạ crôm, đồng kẽm.
13	Trát matit, sơn và trang trí.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Áo bảo hộ phát quang; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học;	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Xà phòng.	
X.3. Lắp ráp - Sửa chữa - Bảo dưỡng máy, thiết bị			
14	Nguội, lắp ráp sửa chữa, bảo dưỡng các máy, thiết bị; - Máy cái; - Máy, thiết bị trong dây chuyền sản xuất; - Các máy phụ trợ sản xuất.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Mũ an toàn công nghiệp(2); - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Giày bạt thấp cổ.	(1) Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị cho người làm việc trên công trường hoặc sửa chữa lớn.
15	Nguội, lắp ráp sửa chữa, bảo dưỡng các máy, thiết bị tinh vi: - Máy tính, máy chữ; - Máy quang học; - Máy quay phim, chiếu phim; - Máy, thiết bị đo lường kiểm tra; - Máy thông tin, tín hiệu.	- Quần áo vải trắng hoặc áo choàng trắng - Mũ vải; - Găng tay vải sợi; - Xà phòng; - Khăn mặt bông.	(
16	Bảo dưỡng, sửa chữa các máy, thiết bị có nhiều dầu: - Máy điêden; - Máy bơm dầu; - Các thiết bị chứa dầu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Khẩu trang lọc bụi chống độc; - Nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mũ an toàn công nghiệp; - Xà phòng.	
17	Nghiên cứu chế tạo thiết bị, máy phát tia Rơnghen	-Quần áo vải dầy; - Mũ vải; - Kính chống tia Rơnghen, phóng xạ(1); - Quần áo chống tia Rơnghen và phóng xạ(1); - Găng tay chống tia Rơnghen và phóng xạ(1); - Yếm chống tia Rơnghen và phóng xạ(1); - Giầy hoặc ủng chống tia Rơnghen	(1) Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.

		và phóng xạ[1]; - Xà phòng.	
18	Nghiên cứu, chế tạo thiết bị, máy phát ra tia cực tím.	- Quần áo vải dầy; - Mũ vải; - Kính chống bức xạ; - Găng tay vải bạt hoặc vải sợi; - Giầy da cao cổ; - Xà phòng.	
19	Nghiên cứu, chế tạo thiết bị siêu cao tần.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Quần áo chống điện từ trường[1]; - Găng tay chống điện từ trường[1]; - Giầy chống tĩnh điện; - Xà phòng.	[1] Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.

XI. TRỒNG TRỌT - CHĂN NUÔI - THÚ Y

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XI.1. Trồng - Thu hoạch cây lương thực, cây công nghiệp			
1	Trồng, chăm sóc cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp (trừ một số cây đã được nêu chức danh cụ thể).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
2	- Cày, bừa, trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa ở ruộng nước; - Trồng, chăm sóc, thu hoạch cói; - Sản xuất bèo dâu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Xà cạp; - Xà phòng.	
3	Trồng, chăm sóc, thu hoạch cam, chanh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Bao cánh tay; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su [1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị để sử dụng khi cần thiết.
4	Trồng, chăm sóc, thu hoạch dứa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Bao cánh tay; - Xà cạp;	[1] Trang bị để sử dụng khi cần thiết.

		- Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su [1]; - Yếm chống ướt, bẩn; - Kính hoặc lưới sắt che mặt; - Xà phòng.	
5	Trồng, chăm sóc, thu hoạch sả.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị để sử dụng khi cần thiết.
6	Trồng, chăm sóc, thu hoạch mủ sơn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
7	Ươm cây cao su giống.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Áo mưa; - Xà phòng.	
8	- Trồng, chăm sóc cây cao su; - Cạo mủ cao su.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Tất chống vắt; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Áo mưa; - Xà phòng.	
9	Đánh đông tủ kem.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải tráng cao su bao tóc; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	

10	Cán ép mủ cao su.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải tráng cao su bao tóc; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
11	- Bới, bóc chọn mủ cao su tạp; - Đứng máy cắt mủ, đưa tấm mủ lên giàn phơi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải tráng cao su bao tóc; - Ủng cao su; - Găng tay cao su dày, dài - Khẩu trang lọc bụi; - Áo vải nhựa cộc tay; - Xà phòng.	
12	- Làm mủ kem; - Tháo rửa máy li tâm; - Cọ rửa bồn chứa mủ kem.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải tráng cao su bao tóc; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
13	Sấy, hấp, đóng kiện mủ cao su.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Xà phòng.	
14	Kiểm tra chất lượng cao su.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
15	Hái chè.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
16	Đứng máy cán bông.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

17	Chế biến phân chuồng, phân bắc, phân xanh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Găng tay cao su dày; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
18	Rải vôi trên cánh đồng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
19	Làm vườn ươm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su(1); - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	(1) Trang bị để sử dụng khi cần thiết.
20	Kiểm định dư lượng hoá chất trong lương thực, thực phẩm.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
21	- Khử trùng (sát trùng, cảnh giới hơi độc sau khi sát trùng trên tàu); - Kiểm dịch.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Mũ vải(1); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt chống trơn trượt(1); - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Phao cứu sinh(2); - Xà phòng.	(1) Nếu đã trang bị đồng phục thì thôi. (2) Trang bị khi làm việc trên mặt nước.
22	Pha chế, phun thuốc trừ sâu, trừ cỏ dại, mối mọt.	-Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay cao su dày, dài; - Đệm lưng vải bạt; - Yếm hoặc tạp dề chống trơn trượt; - Xà phòng.	
23	Giặt, khâu vá các loại bao đựng thuốc trừ sâu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	(1) Trang bị khi giặt.

		- Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay cao su dày [1]; - Xà phòng.	
24	Bán hàng lương thực.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
25	Bảo quản lương thực ở các kho trạm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay cao su[1]; - Ủng cao su[1]; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị cho các kho lớn khi cần phun thuốc sát trùng.
26	Đào mương, vác đất, đắp bờ qui hoạch đồng ruộng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su[1]; - Đệm vai; - Xà phòng.	[1] Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
27	Phát rừng khai hoang.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Tất chống vắt; - Áo mưa; - Xà phòng.	
28	Thu mua các loại giống cây trồng.	- Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
29	Nghiên cứu, thí nghiệm công nghệ gen và tế bào các loại cây trồng.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Dép nhựa có quai hậu; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
30	Thanh tra chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật	- Mũ vải; - Găng tay cao su mỏng; - Mặt nạ phòng độc chuyên dụng;	

		- Kính bảo hộ lao động; - Ủng cao su; - Áo choàng; - Xà phòng.	
		XI.2. Chăn nuôi	
31	Chăn nuôi vịt đàn, kiêm quét dọn chuồng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi chống bụi bẩn; - Áo mưa; - Xà phòng.	
32	Chuyên ấp vịt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
33	Nuôi lợn, gà, thỏ, chuột, kiêm quét dọn chuồng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
34	Nuôi gà ấp, chọn gà ở các trại gà giống.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
35	Chăn nuôi lợn nái, lợn con, đỡ đẻ cho lợn, thụ tinh nhân tạo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
36	Chuyên lấy bèo, rau ở	- Quần áo bảo hộ lao động phổ	

	các ao hồ để cho lợn ăn.	thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Xà cạp; - Áo mưa; - Xà phòng.	
37	Thu hái thức ăn cho gia súc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Ủng cao su; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
38	Chăn dắt, áp tải gia súc từ miền núi về đồng bằng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Tất chống vắt(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng khi đi lại ở vùng rừng núi.
39	Chăn nuôi trâu, bò, ngựa, dê cừu, kiêm quét dọn chuồng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.	
40	Vận động, chải khô cho trâu, bò, ngựa đực giống.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
41	Vắt sữa, trâu, bò dê.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su mỏng; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
42	Sản xuất tinh đông khô.	- Áo quần vải trắng;	

		- Mũ vải trắng; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
43	Chế biến, thái nghiền thức ăn cho gia súc, gia cầm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
44	Chăn nuôi tằm, chọn phân loại kén tằm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
45	Sấy kén tằm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
46	- Chế biến nhộng tằm; - Sản xuất và xử lý trứng tằm giống, bắt ngài cho đẻ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
47	Guồng tơ, ươm tơ bằng máy thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	
48	Nuôi ong.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Lưới sắt che mặt; - Áo mưa; - Xà phòng.	
49	Chế biến sản phẩm ong.	- Áo choàng vải; - Mũ vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

XI.3 - Thú y			
50	Chữa bệnh cho gia súc: - Xét nghiệm chống dịch cho gia súc; - Giải phẫu xác súc vật chết.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su mỏng(1); - Găng tay cao su chuyên dùng(2); - Quần áo bảo hộ lao động có yếm(2); - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho chữa bệnh gia súc. (2) Dùng cho cán bộ thú y tham gia dập các loại dịch gia súc, gia cầm.
51	Nuôi cấy vi trùng, siêu vi trùng, kiểm nghiệm thuốc thú y, sản xuất các loại vắc xin, huyết thanh.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su; - Dép nhựa có quai hậu; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
52	Sản xuất keo phèn làm thuốc thú y.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Yếm cao su; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
53	Sản xuất pha chế các loại thuốc thú y.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
54	Thái lọc thịt, phủ tạng động vật để chế thuốc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Quần áo và mũ chống lạnh (1); - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Cấp cho người làm việc ở phòng lạnh.

55	Phân tích hóa lý, điều tra côn trùng, tìm tiêu bản.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
56	Vận hành lò hấp thuốc thú y.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dép nhựa có quai hậu; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
57	Rửa chai lọ, các loại ống nghiệm chứa vi trùng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay cao su; - Yếm cao su; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

XII. THỦY SẢN

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
		XII.1. Nuôi trồng	
1	Quy hoạch bảo vệ thủy sản.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Quần áo và mũ chống lạnh(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng khí hậu rét.
2	Thu gom nguyên liệu để sản xuất HCG.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su mỏng; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo mưa;	

		- Xà phòng.	
3	Sản xuất HCG.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Tạp dề chống axít, kiềm. - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
4	Nuôi trồng, chăm sóc thủy sản, kể cả việc chế biến thức ăn cho thủy sản.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà cạp liền tất vải dày nhiều lớp ở lòng bàn chân; - Phao cứu sinh; - Áo mưa; - Xà phòng.	
XII.2. Khai thác, đánh bắt - Chế biến			
5	Khai thác tổ yến, bảo vệ khu vực khai thác tổ yến.	- Quần áovải bạt có đệm khuỷu gối; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ghệt vải bạt; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Áo mưa; - Phao cứu sinh(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
6	Xử lý, chế biến, bảo quản tổ yến.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
7	- Đánh bắt thuỷ sản; - Thu mua hải sản trên biển.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Ủng cao su; - Giầy da thấp cổ chống dầu; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay cao su; - Áo mưa; - Phao cứu sinh; - Bộ quần áo thợ lặn(1); - Bình dưỡng khí(1); - Quần áo và mũ chống lạnh(2);	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.

		- Tất chống rét[2]; - Xà phòng.	
8	Thợ máy tàu đánh bắt, thu mua thủy sản.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Quần áo và mũ chống lạnh[1]; - Phao cứu sinh[2]; - Xà phòng.	[1] Trang bị theo vùng có rét. [2] Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
9	Chọn và phân loại thủy sản.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
10	Chế biến, bao gói, bốc xếp các loại thủy sản dưới hầm lạnh, trong buồng lạnh trên các tàu biển hoặc trong các xí nghiệp chế biến.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Quần áo lót đông xuân; - Quần áo chống lạnh; - Khăn quàng chống rét; - Mũ chống lạnh; - Ủng cao su; - Tất chống rét; - Găng tay cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Đệm vai[1]; - Xà phòng.	[1] Chỉ trang bị cho người bốc xếp.
11	- Sản xuất Aga, Algenat, Chitin; - Chitosan, Gatetin, làm thức ăn cho gia súc và gia cầm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
12	Sản xuất viên nang, dầu gan cá.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
13	Chế biến thủy sản đông lạnh, làm thực phẩm ăn liền, mực cán mành.	- Áo quần vải trắng dày; - Quần áo lót đông xuân; - Mũ bao tóc;	[1] Không dùng ủng màu đen.

		- Ủng cao su[1]; - Tất chống rét; - Găng tay cao su mỏng; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
XII.3. Sản xuất lưới, phao			
14	- Phun nước căng hấp lưới; - Ráp lưới, phơi lưới; - Sản xuất phao, đệm xốp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải[1]; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	[1] Làm việc ngoài trời, trang bị Mũ, nón chống mưa nắng.
15	- Dệt lưới; - Nhân viên kho lưới.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

XIII. CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XIII.1. Sản xuất đường			
1	Tẩy màu, hòa tan, nước cất.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
2	Kết tinh, ly tâm, nghiền, sấy, đóng bao.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
3	Vận hành các loại máy bơm trong sản xuất đường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
4	Ngâm vớt và phơi mầm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
5	Thải bã mía.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	[1] Trang bị chung để dùng khi cần

		- Mũ, nón chống mưa nắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Áo mưa(2); - Xà phòng.	thiết. (2) Trang bị cho người làm việc ngoài trời.
6	Hòa sữa vôi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
7	Đốt lưu huỳnh	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
8	Làm vệ sinh đáy máng (đáy băng chuyền ở phân xưởng ép và máng cào mía).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
9	- Hồi dung; - Sàng chuyển tiếp.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
10	- Sàng chọn hạt; - Đóng và khâu bao đường thành phẩm.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
11	- Ép lọc (lọc ép, lọc túi); - Giặt, vá túi ép lọc; - Phân tách mật (máy li tâm); - Gia nhiệt, bảo sung, bàn cân, bốc hơi, nấu đường, trợ tinh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải(1); - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Xà phòng.	(1) Làm việc ngoài trời được trang bị Mũ, nón chống mưa nắng.

12	- Vận hành và sửa chữa máy cào mía; - Vận hành và sửa chữa máy ép lọc mía và dây chuyền trung gian.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
13	Khuân vác mía vào máy cán ép, phơi bã mía.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ hoặc nón chống nắng mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Đệm vai(1); - Ủng cao su; - Xà phòng.	(1) Chỉ trang bị cho người khuân vác mía.
14	Vận hành ép mía thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ hoặc nón chống nắng mưa; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Đệm vai(1); - Ủng cao su; - Xà phòng.	
15	Nấu nướng đổ khuôn thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Đệm vai(1); - Xà phòng.	
XIII.2. Sản xuất rượu, bia, nước giải khát			
16	Sản xuất nước uống tinh khiết.	- Quần áo vải trắng hoặc áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Găng tay cao su; - Giầy cao su - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
17	Vận hành nồi nấu cơm máy kiêm việc chuyển đổ nguyên vật liệu vào nồi nấu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính chống axít(1); - Găng tay chống axít, kiềm(1); - Yếm cao su chống axít(1);	(1) Trang bị chung để dùng khi tiếp xúc trực tiếp với axít.

		- Ủng cao su; - Xà phòng.	
18	Bơm bã rượu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
19	- Vận hành máy dập nút, chữa nút chai; - Đóng và chữa két, thùng đựng bia, rượu, nước ngọt.	- Quần yếm; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
20	Làm giấy bọc bia.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Găng tay cao su mỏng; - Xà phòng.	
21	Cắt mầm làm bia.	- Áo choàng vải; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
22	Dán nhãn, bao gói kẻ chữ.	- Áo choàng vải; - Xà phòng.	
23	Làm việc trong buồng men giống, hầm men bia, buồng ép lọc nén.	- Áo vải trắng dày; - Quần vải; - Quần áo chống lạnh; - Mũ chống lạnh; - Ủng cao su; - Tất chống rét (dài); - Xà phòng.	
24	- Chiết bia hơi; - Chiết rượu, bia, nước ngọt vào chai lấy men bia, hòa CO_2, luộc chai, dán nhãn (theo dây chuyền máy chiết bia), bốc chai ở bàn tròn; - Vận hành máng lọc nhiệt độ (buồng đông).	- Áo vải trắng; - Quần vải; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
25	- Chuyển đổ nguyên vật liệu vào máy nghiền và vận hành máy nghiền nguyên liệu làm rượu bia, nước chấm, nước đường; - Làm việc trong buồng sấy thóc (sấy thóc, đảo thóc, xúc và vận	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

	chuyển thóc ra vào buồng sấy).		
26	- Rửa chai bằng máy và thủ công, soi chai (chai không và chai có rượu, bia, nước ngọt); - Chọn chai, xếp chai.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị cho người rửa chai thủ công.
27	Nấu bia: - Đường hóa, lên men rượu; - Chưng cất cồn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt[1]; - Ủng cao su; - Xà phòng.	[1] Trang bị để dùng khi vặn van nóng.
28	Sản xuất mốc làm rượu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
29	Nấu đường : - Cất este cam; - Cất dầu chuối; - Rửa bể rượu;	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Găng tay cao su; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị chung để dùng khi tiếp xúc với axít, xút dầu Fuzet.
30	Vệ sinh thùng ủ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	
XIII.3. Sản xuất bánh kẹo, đường nha (đường nước), kem			
31	- Hòa tan và nấu đường; - Vận chuyển, đóng gói và rửa thùng đựng đường nha.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
32	Nấu kẹo và làm nguội kẹo (làm thủ công).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Găng tay vải bạt; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
33	- Đứng máy trộn nguyên liệu làm bánh kẹo; - Đứng máy đánh trứng làm bánh ga tô.	- Áo vải trắng; - Quần vải; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
34	- Pha chế nguyên liệu làm bánh kẹo; - Đứng máy cán, cắt, dập hình các loại bánh kẹo.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
35	Cán, cắt, dập hình các loại bánh kẹo bằng phương pháp thủ công.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay sợi trắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
36	Xử lý bột, ép lọc tẩy màu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
37	Hòa bột, đường hóa, trung hòa bốc hơi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Găng tay chống axít, kiềm; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
38	- Nướng bánh và điều chỉnh bánh ở khay, xử lý khay nướng, thu bánh đã nướng (theo dây chuyền); - Gói và đóng gói bánh kẹo; - Bốc xếp, vận chuyển, bảo quản bánh kẹo trong phân xưởng, xí nghiệp.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
39	Làm kem:	- Áo choàng vải trắng;	(1) Trang bị cho

	- Pha chế nước đường và nguyên liệu đổ vào khuôn; - Điều khiển máy.	- Mũ vải; - Ủng cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn[1]; - Xà phòng.	người làm việc tiếp xúc trực tiếp với nước.
XIII.4. Sản xuất bánh mỳ, mỳ, miến, đậu phụ			
40	- Phối trộn bột: đổ bột, vận hành máy trộn, nhào, rây bột; - Đứng máy cán, vê, tu nở, khía bánh; - Nướng bánh (thủ công và cơ giới), chuyển bánh vào kho; - Làm việc ở máy cán, cắt, hấp mỳ sợi, mỳ ăn liền; - Sửa khuôn mì, đốt lò chao dầu, nấu sa tế; - Làm việc ở máy nghiền đậu, phun sấy và lấy bột đậu; - Hòa nấu, cô đặc, ly tâm, bơm cao áp, bảo ôn hòa nhuyễn.	- Áo vải trắng; - Quần vải dày; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
41	- Đóng gói, bốc xếp (ở khâu đóng gói) các loại mỳ sợi, mì thanh, mì ăn liền, miến; - Pha chế, đóng gói bột nêm; - Bao gói bột.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
42	Sàng chọn và rửa hạt đậu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị để dùng khi tiếp xúc trực tiếp với nước.
43	- Làm miến: ngâm, xay, sàng, lọc, lắng ly tâm, nhào bột kéo sợi, ngâm tẩy, vò tơi miến, vận chuyển miến ra vào buồng làm lạnh; - Sản xuất đậu phụ.	- Áo vải trắng; - Quần vải dày; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị để dùng khi tiếp xúc trực tiếp với nước.
44	Sản xuất các loại bột sắn, dong riềng, khoai	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	[1] Trang bị cho người làm việc

	lang.	- Mũ vải hoặc mũ bao tóc; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn[1]; - Xà phòng.	tiếp xúc trực tiếp với nước.
45	Ra vào lò sấy (đẩy goòng mì sợi, mì thanh, miến)	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XIII.5. Xay sát gạo, mì			
46	- Vận hành máy xay, sát, cân sàng và đóng bao nông sản; - Vận hành máy vận thăng, chân bù đãi, lấy tấm, cám, trấu; - Làm việc ở máy xay nhỏ như: sàng, sấy, cân, đóng bao, vận chuyển, chất xếp thóc, gạo tấm, cám, trấu. - Sản xuất thức ăn chăn nuôi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
47	Rửa lúa mì (rửa lúa ở máy rửa).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
48	Vận hành máy chế biến bột mì (máy sàng tạp chất, bóc vỏ, bù đãi, nghiền sàng, đóng bao).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
XIII.6. Chế biến dầu lạc, dầu quả cây, dầu cám, dầu sả ...			
49	Vận chuyển, làm tróc vỏ và nghiền nguyên liệu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
50	- Cân, chưng, gói dầu	- Quần áo bảo hộ lao động phổ	[1] Trang bị chung

	(trừ gói dầu cám) và ép dầu; - Tinh luyện các loại dầu (trừ dầu xả): nấu, lọc.	thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su[1]; - Găng tay cao su[1]; - Xà phòng.	để sử dụng khi cần thiết.
51	Gói dầu cám.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ; - Ủng cao su[1]; - Găng tay cao su[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết
52	Tinh luyện dầu xả.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
	XIII.7. Sản xuất mì chính		
53	Công việc tách keo (hòa giải).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
54	Phân giải, ép lọc, cô đặc, trung hòa lần 1(hoà giải);	- Quần áo chống axít, kiềm và hoá chất; - Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Ủng chống axít, kiềm; - Xà phòng.	
55	Hút lọc ly tâm (hoà giải) tiếp xúc với nước có axít và hơi axít.	- Quần áo chống axít, kiềm và hoá chất; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay chống axít, kiềm; - Ủng chống axít, kiềm; - Xà phòng.	
56	- Hòa bột, đường hóa lên men, trung hòa, ép	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	[1] Trang bị để dùng khi cần

	lọc, cô đặc, ly tâm (lên men mì chính); - Trung hòa, ép lọc, tẩy màu, cô đặc, ly tâm (giai đoạn tinh chế của mì chính hòa giải).	- Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay cao su; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su[1]; - Xà phòng.	thiết.
57	Nghiền, sấy, đóng gói mì chính.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
58	Lấy bột và trở bột ướt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
	XIII.8. Sản xuất nước chấm		
59	Sản xuất men, mốc để làm nước chấm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
60	Phân giải hóa lọc.	- Quần áo chống axít, kiềm; - Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay chống axít, kiềm; - Ủng chống axít, kiềm; - Kính chống axít; - Xà phòng.	
61	Ly tâm và trung hòa (máy ly tâm).	- Quần áo chống axít, kiềm; - Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Ủng chống axít, kiềm; - Xà phòng.	
62	Làm việc ở bể nước chấm (xì dầu, nước mắm).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Găng tay; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su;	

		- Xà phòng.	
XIII.9. Chế biến chè			
63	- Bốc dỡ, đảo, rũ chè tươi; - Gói chè, xếp chè vào bồ; - Bốc vác, vận chuyển chè[1].	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	[1] Trang bị thêm Găng tay vải bạt, giầy vải bạt thấp cổ.
64	- Hấp héo chè, vò chè (máy và thủ công), ủ men (máy sàng bằng); - Sao sấy chè (máy vò thủ công); - Sàng phân loại chè, trộn chè.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa có quai hậu; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị cho người sàng phân loại chè.
XIII.10. Chế biến cà phê			
65	Chọn cà phê.	- Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
66	Xát cà phê tươi, ngâm đãi vỏ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
67	Xát cà phê khô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
68	Chế biến cà phê tan.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
XIII.11. Chế biến hạt điều			
69	Vận hành máy sàng phân loại, chao dầu và tách vỏ hạt điều.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt;	

		- Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
70	Chọn phân loại hạt điều thành phẩm.	- Áo quần vải trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
XIII.12. Chế biến nguyên liệu thuốc lá và sản xuất thuốc điếu			
71	- Phân loại lá thuốc, tước lá, xé lá, phối chế thuốc (đầu dây chuyền), may vá bao bố; - Kiểm tra chất lượng nguyên liệu thuốc lá trên dây chuyền chế biến; - Vận hành máy đóng bao, bóng kính bao, đóng tút, bóng kín tút, đóng thùng carton, đóng gói thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy bịt đầu, đế nhựa, chống trượt hoặc dép nhựa có quai hậu; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
72	- Vận chuyển, xếp dỡ nguyên liệu thuốc lá; - Thu gom, xử lý bụi, mảnh vụn thuốc lá; - Vận hành máy sấy lại, ra thuốc ở đầu và cuối máy sấy lại; - Đóng kiện thuốc, sấy điếu thuốc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy bịt đầu, đế nhựa, chống trượt hoặc dép nhựa có quai hậu; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
73	- Xử lí thuốc lá mốc; - Đứng máy hấp lá.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Giầy bịt đầu, đế nhựa, chống trượt hoặc dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
74	Vận hành lò men, lò sấy thuốc lá.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy bịt đầu, đế nhựa, chống trượt hoặc dép nhựa có quai hậu;	

		- Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
75	Chuyển thuốc ra vào lò men, lò sấy điện.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
76	Pha chế và vận chuyển hương liệu.	- Áo choàng vải xanh; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Dép nhựa có quai hậu; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
77	- Vận hành và làm việc tại máy đập cuống, máy nhuyễn, máy thái sợi, máy cuốn điếu, xe điếu, máy sàng vụn phân ly, sàng thuốc vụn, thùng tải.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy bịt đầu, đế nhựa, chống trượt hoặc dép nhựa có quai hậu; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
78	Can giấy, dán túi ni lông, phụ máy xén giấy.	- Yếm choàng vải xanh; - Mũ vải; - Giầy bịt đầu, đế nhựa, chống trượt hoặc dép nhựa có quai hậu; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
79	- Đốt (chụm) lò sấy nguyên liệu thuốc lá; - Vận hành nồi hơi (dầu, than đá); - Đốt lò hơi bằng than đá (xúc than vào lò, hốt xỉ than khỏi lò).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải: - Giày vải: - Khẩu trang lọc bụi: - Mặt nạ phòng độc; - Găng tay vải bạt; - Kính chống bức xạ; - Xà phòng.	
XIII.13. Sản xuất muối ăn			
80	Lấy nước chạt, phi, cào, xúc và vận chuyển muối.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Áo mưa;	

		- Xà phòng.	
81	Xây dựng đồng muối (đào đắp mương, làm ô nề, tu sửa bờ ruộng muối).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Áo mưa; - Xà phòng.	
82	Nấu muối, sản xuất nước ót.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
83	Sản xuất bột canh (ví du: rang muối, trộn)	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Tấm ni lông che người; - Xà phòng.	
XIII.14. Chế biến sữa, thực phẩm tươi			
84	Vắt sữa trâu, bò, dê.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su mỏng; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
85	- Chế biến sữa trâu, bò, dê; - Kiểm nghiệm sữa.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Găng tay cao su mỏng; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
86	Chế biến thực phẩm tươi sống (từ khâu chế biến đến khâu vệ sinh trong phân xưởng chế biến).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Đai lưng gài dụng cụ giết mổ gia súc, gia cầm; - Ủng cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Xà phòng.	
87	Dán nhãn, bao gói sản phẩm sau chế biến.	- Quần áo vải trắng hoặc áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Xà phòng.	
88	Đóng kiện và vận chuyển trong xí nghiệp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
89	Kiểm tra chất lượng sản phẩm tươi sống.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
90	Cắt, dập, ghép mí, hàn, sơn, sấy hộp sắt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
91	Thử kín hộp sắt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
92	Làm việc trong các buồng lạnh dưới 5^0C.	- Quần áo và mũ chống lạnh; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Tất chống rét; - Xà phòng.	
93	Vận hành, sửa chữa máy lạnh và hệ thống lạnh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	

XIV. CHẾ BIẾN DA - LÔNG VŨ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Chuẩn bị thuộc da, xẻ da, nạo da, lột da, pha chế hóa chất để thuộc da, muối da tươi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Găng tay cao su dày; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
2	Hoàn thành thuộc da, pha cắt da, chế biến đồ da.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
3	Chế biến lông vũ: - Vận hành máy phân loại lông, khử bụi; - Thủ kho xuất nhập; - Kiểm nghiệm lông vũ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	

XV. DỆT – MAY

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	- Điều khiển , vận hành các loại máy, thiết bị bông, sợi dệt. - Đổ sợi, nối mắc sợi, ghép sợi, xếp ống, kiểm gấp vải, phục vụ, bảo dưỡng, vệ sinh công nghiệp, sửa chữa cơ điện trong dây chuyền sợi dệt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ bao tóc; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu hoặc giày vải; - Nút tai chống ồn; - Kính chống bụi; - Xà phòng.	
2	- Điều khiển, vận hành, sửa chữa, vệ sinh các loại máy, thiết bị phụ trợ (điều không, thông gió, cấp nước, thoát nước, lò hơi)	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ bao tóc; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu hoặc giày vải; - Găng tay vải; - Kính chống bụi; - Xà phòng.	
3	Nhuộm, tẩy, giặt, mài, hồ, in vải, sợi, quần áo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải;	

		- Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Dép nhựa có quai hậu hoặc giày vải; - Xà phòng.	
4	Cắt – may, thêu – là ủi bao gồm các công việc cắt, may, thêu, thùa khuyết, đính cúc, vắt sổ; kiểm gấp, là ủi – đóng gói, đóng kiện	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay sắt (1) - Xà phòng.	(1) Trang bị dùng cho công nhân cắt vải.
5	Đóng hòm, mở hòm; đóng ép kiện, phá kiện bông, sợi, vải, quần áo; đóng kiện bông vải phế liệu.	- Mũ vải; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính chống bụi; - Xà phòng.	
6	Quản lý, điều hành trong dây chuyền dệt may.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải;- Găng tay; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
7	Vận hành máy đập, tước, cắt vỏ dừa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ bao tóc - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Bịt tai chống ồn; - Ủng cao su(1); - Xà phòng;	(1)Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
8	Vận hành máy ép kiện chỉ xơ dừa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ bao tóc; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng;	
9	- Phơi chỉ xơ dừa;	- Quần áo bảo hộ lao động phổ	(1) Trang bị chung

	- Sàng, xúc phơi mụn dừa.	thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	để dùng khi cần thiết.

XVI. GIẦY DÉP

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Pha cắt da, điều khiển máy rẩy da.	- Mũ bao tóc; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
2	May mu giầy, đột dập ôrê.	- Mũ bao tóc; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Bịt tai chống ồn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
3	Gò ráp, khâu đế, mài đế, đánh bóng giầy.	- Mũ bao tóc; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
4	- Bồi vải, khuấy keo; - Điều khiển máy gò, ép, dán, quét keo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
5	Điều khiển máy sấy, hấp, lưu hóa, in nhãn, mác giầy hoặc ủng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Găng tay vải bạt;	

		- Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

XVII. SẢN XUẤT HÓA CHẤT

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
		XVII.1. Hóa chất cơ bản	
1	- Trộn nguyên liệu sản xuất phèn; - Làm ở lò cô phèn đơn.	- Quần áo chống axít, kiềm; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc; - Găng tay vải bạt; - Găng tay chống axit;- Ủng chống axít, kiềm; - Xà phòng.	
2	Làm ở lò phản xạ phèn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc; - Ủng chống axít, kiềm; - Kính chống bức xạ; - Găng tay chống axit;- Xà phòng.	
3	Hòa tan dung dịch phèn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su chịu axit; - Ủng chống axít, kiềm; - Xà phòng.	
4	Sản xuất Natri Silicat.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay chống axit; - Mặt nạ phòng độc; - Xà phòng.	
5	Sản xuất bột nhẹ (Canxi-cácbonnat).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn tr-ượt;	(1) Dùng khi tôi vôi tháp sục, li tâm.

		- Khẩu trang lọc bụi[1]; - Ủng cao su[1]; - Găng tay vải bạt[1]; - Xà phòng.	
6	Tuyển nổi Garaphit.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy đế da; - Khẩu trang lọc bụi; - Tạp dề hoặc yếm ướt, bẩn; - Xà phòng.	
7	Khử sắt graphit.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
8	Sản xuất hóa chất tinh khiết.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Quần áo chịu axit, kiềm; - Mũ an toàn công nghiệp; - Ủng cao su; - Kính chống văng bắn hoá chất; - Găng tay chống axit; - Mặt nạ phòng độc; - Xà phòng.	
9	- Cô đặc xút; - Hòa tan, trung hòa, lắng lọc nước muối; - Sản xuất Hyđrôxít nhôm - $Al(OH)_3$.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ - Ủng cao su[1]; - Kính chống văng bắn hoá chất; - Găng tay cao su chống xút lỏng; - Giày da bảo hộ mũi lót thép; - Quần áo chịu axit, kiềm; - Xà phòng.	[1] Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
10	Vận hành thiết bị điện phân dung dịch Clorua	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	[1] Trang bị chung để sử dụng khi

	natri (NaCl), tuần hoàn điện phân.	- Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay chống hóa chất; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su[1]; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Kính chống các vật văng bắn; - Giày da bảo hộ lao động mũi lót thép; - Xà phòng.	cần thiết.
11	Sản xuất Natri sunphit - Na_2SO_3.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc; - Xà phòng.	
12	Sản xuất Hyđrô - H_2 (để tổng hợp axít Clohyđric - HCl).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Áo mưa bạt ngắn; - Mặt nạ phòng độc; - Găng tay vải bạt; - Giày da bảo hộ lao động mũi lót thép; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
13	Sản xuất axít Nitric - HNO_3.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay chống axít, kiềm; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su[1]; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống axít; - Xà phòng. - Mặt nạ phòng độc.	[1] Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
14	Đóng bình axít các loại, vận hành kho axít.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Áo mưa bạt ngắn; - Găng tay chống axít, kiềm - Ủng chống axít, kiềm; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt;	

		- Kính chống axít; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
15	- Sấy khí Clo - Cl_2; - Đóng bình Clo lỏng; - Hợp thành axít Clohyđric - HCl; - Xử lý Clo thừa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ; - Ủng cao su; - Kính chống axít; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Khẩu trang phòng độc - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng chung.
16	Làm lạnh Hyđrô - H_2 trong sản xuất Clo xút.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy bảo hộ lao động mũi lót thép; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
17	- Rửa SO_2; - Tiếp xúc trong sản xuất axít Sunphuric - H_2SO_4; - Sấy, hấp thụ axít Sunphuric - H_2SO_4; - Pha trộn lưu huỳnh sản xuất axít Sunphuric - H_2SO_4.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Ủng chịu axít; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Quần áo chịu axit; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng chung.
18	Vận hành lò BKZ, cân quặng Pirít, thải xỉ Pirít.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng chung.
19	Sản xuất Selen.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay chống axít, kiềm; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su(1); - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng chung.
20	Bảo dưỡng, lắp đặt thùng điện phân.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	(1) Trang bị dùng chung khi cần

		- Giầy bảo hộ lao động mũi lót thép; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su cách điện; - Mặt nạ phòng độc(1); - Xà phòng.	thiết.
21	Vận hành thiết bị lạnh trong sản xuất hóa chất.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su chịu axít; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị dùng chung khi cần thiết.
22	Kiểm tra chất lượng các loại sản phẩm trong ngành hóa chất.	- Quần áo vải trắng; - Giầy vải; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính bảo hộ lao động; - Mặt nạ phòng độc; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
23	Sản xuất Kẽm clorua, Canxi clorua, PAC.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
24	Bốc xếp, vận chuyển hóa chất.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Đệm vai; - Xà phòng.	
25	Bốc xếp chai, bình chứa khí, khí hóa lỏng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn;	

		- Găng tay vải bạt; - Giầy bảo hộ lao động mũi lót thép; - Xà phòng.	
26	Lái xe, phụ xe vận chuyển khí hóa lỏng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo mưa bộ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Giầy da thấp cổ chống trơn trượt; - Xà phòng. - Mặt nạ phòng độc.	
27	Sản xuất vôi công nghiệp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Giầy da chống trơn trượt; - Xà phòng.	
28	Nấu hồ điện cực.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Giầy da chống trơn trượt; - Xà phòng.	
29	Vệ sinh công nghiệp trong các nhà máy sản xuất hóa chất.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su chống dầu(1); - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ - Kính chống các vật văng bắn(1); - Khẩu trang vải; - Khẩu trang chống độc; - Găng tay cao su; - Xà phòng	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
30	Làm việc ở các phòng thí nghiệm, xét nghiệm, kiểm nghiệm hàng hóa tiếp xúc với các loại hóa chất.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Găng tay cao su; - Kính chống các vật văng bắn chống hóa chất dạng lỏng văng vào mắt; - Khẩu trang lọc bụi phòng độc; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn(1); - Găng tay chống axít, kiềm(1); - Mặt nạ phòng độc; - Ủng cao su; - Xà phòng.	(1)Trang bị chung để dùng khi tiếp xúc nhiều với nước, ướt bẩn, axít.

31	Lọc bụi điện.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
32	Sản xuất và đóng thùng, bảo quản, lưu trữ phốt pho vàng	-Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Quần áo da(1); - Kinh chống vật văng bắn; - Găng tay cao su; - Găng tay da(1); - Bán mặt nạ phòng độc; - Ủng cao su; - Giày da(1); - Quần áo chống cháy(1); - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Mũ an toàn công nghiệp(1); - Mũ bao tóc; - Bình dưỡng khí(1). - Mặt nạ phòng độc có bình dưỡng khí hoặc mặt nạ chống khí độc CO.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
XVII.2. Phân bón			
33	- Cân đong vào liệu, tời nạp liệu lò cao phân lân nung chảy; - Điều khiển máy gập, gầu nâng vít tải phân lân; - Điều khiển máy đỡ quặng xuống toa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
34	Ra liệu lò cao phân lân nung chảy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ hoặc giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị dùng chung, để sử dụng khi cần thiết
35	- Vận hành máy vớt phân lân nung chảy; - Khử Flo phân lân nung chảy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi;	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Xà phòng.	
36	Điều khiển máy quạt gió.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
37	Sản xuất phân lân vi sinh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
38	- Phối liệu các loại phân bón hữu cơ, vô cơ; - Trộn vê viên phân lân nung chảy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
39	Vận hành lò khí than: - Vận hành lò; - Ghi lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy da thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
40	Vận hành két khí than.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
41	- Làm công việc khống chế tự động phân xưởng hợp thành; - Vận hành bơm cao áp, trung áp phân xưởng urê (phân đạm).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

42	Hấp thụ lưu huỳnh bằng ADA (phân đạm).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
43	Bơm dung dịch Sunphôlan (phân đạm).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su chống dầu; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
44	Hợp thành Amôniăc (NH_3).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
45	- Điều chế Amôniăc, đóng bình Amôniăc lỏng; - Hợp thành Urê.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
46	Cô đặc tạo hạt Urê.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
47	Đóng bao, khâu bao thành phẩm phân bón.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
48	- Điều chế Supe phốtphát; - Trung hòa Supe	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải;	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

	phốtphát.	- Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
49	- Vận hành trạm bơm nước tuần hoàn (trong sản xuất phân đạm); - Vận hành trạm bơm nước thải.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
50	Vận hành máy nén khí hỗn hợp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
51	- Tái sinh lưu huỳnh; - Đúc thỏi lưu huỳnh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang chống độc; - Xà phòng.	
52	Tháo rửa đồng, rửa kiềm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
53	Vận hành trạm xử lý nước giải nhiệt, trạm bơm nước tuần hoàn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
54	Vận hành máy nghiền bi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp;	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn(1); - Xà phòng.	
55	Vận hành máy sấy thùng quay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
56	Vận hành máy trộn quặng mịn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
57	Vận hành máy ép quặng mịn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
58	Vận hành máy sàng quay, sàng rửa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
59	Vận hành máy đập hàm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
60	Vận hành băng tải.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

61	Vận hành máy nâng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
62	Vận hành máy xúc lật.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
63	Vận hành máy xúc quặng đá.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
64	Sản xuất phân bón hỗn hợp NPK	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải; - Mũ an toàn công nghiệp;; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
XVII.3. Thuốc bảo vệ thực vật			
65	Tổng hợp các hoạt chất hóa học (dưới các dạng bột, hạt, lỏng) dùng làm nguyên liệu để sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su; - Giầy da vải bạt cao cổ; - Giầy da hoặc ủng cao su chống dầu(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dụng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
66	Phối liệu, gia công, sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su;	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Giầy da hoặc giầy vải bạt cao cổ; - Giầy da hoặc ủng cao su chống dầu[1]; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính bảo hộ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dụng[1]; - Xà phòng.	
67	Sang chai, đóng gói các loại thuốc bảo vệ thực vật dưới các dạng (bao gồm tất cả các công đoạn trên dây truyền như: đưa vào chai, vào túi, đóng nắp, ép túi, dán nhãn, đóng hộp, đóng thúng carton).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su mỏng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Kính bảo hộ; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
68	Kiểm định, pha chế mẫu phòng thí nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Giầy vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su mỏng chống hóa chất; - Xà phòng.	
XVII.4. Chất dẻo - Cao su - Bao bì			
69	- Phối liệu hóa chất sản xuất cao su, nhựa (PVC, PE, PP); - Vận hành máy luyện cao su (luyện kín, sơ hỗn luyện, nhiệt luyện); - Tạo hình săm lốp ôtô, săm lốp xe đạp, ống dẫn, dây curoa, má phanh. - Cán hình vải mành, tráng kéo vải mành; - ép săm ôtô, săm xe đạp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi hoặc vải bạt; - Giày bảo hộ lao động (giầy da/ giầy nhựa/ giầy vải…); - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang/ bắn mặt nạ/ mặt nạ phòng khí độc; - Kính chống các vật văng bắn; - Bông y tế; - Xà phòng.	
70	Sản xuất rulô cao su, ống sát gạo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
71	- Sàng sẩy hóa chất sản xuất cao su;	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	[1] Trang bị khi lưu hóa lốp ô tô

	- Lưu hóa các sản phẩm sản xuất từ cao su; - Can, cắt, cán tạo hình các sản phẩm cao su; - Sản xuất đệm mút.	- Mũ an toàn công nghiệp[1]; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(loại lốp lớn).
72	Lý trình, thí nghiệm cường lực các mặt hàng cao su vắt vải, cuộn vải, tráng PVC tại tổ sản xuất.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay sợi hoặc vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
73	- Tổng hợp PVC; - Pha màu, nấu nhựa phế thải; - Sản xuất lá cách PVC; - Vận hành máy đùn nhựa (PP, PE, PVC); - Vận hành máy thổi màng nhựa PP, PE, PVC máy cắt, dán màng nhựa PP, PE, PVC.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
74	- Vận hành máy tráng màng (giấy chống ẩm, giấy sáp), tạo sợi (PP, PE, PVC); - Kéo sợi, quấn chỉ sợi tổng hợp (PP, PE,PVC).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
75	- Sản xuất vỏ bao PVC, PP, PE; - Dệt vỏ bao PP, PE; - Vận hành máy cắt, gấp, in mác, may vỏ bao.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
76	Hoàn thiện các sản phẩm nhựa phun ép, màng mỏng PVC.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
77	Vận hành máy ép nhựa, máy dập vỏ hình ắc quy, lưu hóa vỏ bình ắc	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải;	

	quy.	- Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
78	- Phun in nhãn hiệu vào mặt hàng cao su, chất dẻo; - Sản xuất keo dán gỗ, vécni; - Vận hành máy sấy hộp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
79	Kiểm tra chất lượng các sản phẩm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo choàng vải trắng; - Dép nhựa có quai hậu; - Găng tay sợi hoặc vải bạt; - Mũ vải; - Giầy vải; - Xà phòng.	
80	Nghiên cứu, sản xuất các loại màng, keo đặc biệt.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải sợi; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
81	Sản xuất các sản phẩm từ giấy, carton có tiếp xúc với bụi, hóa chất, hơi khí độc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang lọc bụi chuyên dụng; - Găng tay vải; - Xà phòng.	
XVII.5. Pin - ắc qui			
82	- Trộn bột cực dương, trộn bột cọc than; - Nghiền sấy quặng măng gan.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng. - Khẩu trang/ bán mặt nạ/ mặt nạ chống độc - Nút tai chống ồn.	

83	Hóa hồ (chấm sáp, rót hồ, chỉnh hồ).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
84	- Mài lá cách xốp; - Gia công cọc than; - Ép cọc than, dập bao than.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Găng tay vải(1); - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Sử dụng thay thế Găng sợi đối với khâu nhúng sáp cọc than và dập bao than.
85	- Vận hành máy cắt ống kẽm, cuốn kẽm, dập vỏ pin; - Kiểm tra ống kẽm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi(1); - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Vận hành máy trang bị găng tay vải bạt.
86	Lau cắt ống kẽm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
87	- Pha chế điện dịch, sản xuất pin; - Chưng hồ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su dày; - Ủng cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
88	- Nấu xi sáp (sản xuất pin); - Nấu nhựa hàn khẩu (sản xuất ắc qui).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
89	Vận hành lò nung cọc than.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy da; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Xà phòng.	
90	Tuyển lọc quặng măng gan.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su dày; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
91	Nấu rót, cán kẽm làm vỏ pin.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy da; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
92	- Dập kẽm viên, mũ đồng, ống kẽm, đinh; - Đánh bóng kẽm viên, mũ đồng, dây; - Phong lắp, đổ xi lắp nắp, lắp mũ đồng, lót đáy ống kẽm; - Hàn biên, đáy, pin.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Găng tay vải(1); - Bịt tai chống ồn(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị thêm cho người làm công việc dập kẽm viên, mũ đồng, ống kẽm, đinh.
93	- Đúc hợp kim chì, bi chì, sườn cực, phụ tùng bằng chì; - Luyện chì tái sinh; - Nghiền bột chì; - Gia công, phân loại, đóng gói lá cực.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy da mũi sắt; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay sợi(1); - Yếm vải(1); - Yếm cao su(2); - Găng tay cao su(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho đúc hợp kim chì, bi chì, sườn cực, phụ tùng bằng chì; luyện chì tái sinh; nghiền bột chì. (2) Trang bị cho gia công, phân loại, đóng gói lá cực.
94	Trát cao lá cực.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải/ ủng cao su; - Yếm cao su; - Găng tay chống axít, kiềm; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
95	Hàn lắp ắc quy, hàn chùm cực, hàn cầu tiếp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ;	(1) Trang bị để dùng khi cần thiết.

		- Mặt nạ hàn hoặc kính hàn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
96	Hóa thanh tấm cực.	- Quần áo chống axít, kiềm; - Mũ vải; - Găng tay chống axít, kiềm; - Ủng chống axít, kiềm; - Yếm chống axít, kiềm; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
97	Chế tạo bột sản xuất lá cách cao su.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
98	- Nạp điện ắc quy; - Kiểm tra ắc quy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Quần áo chống axít, kiềm(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn (1m x 1m); - Găng tay cách điện; - Găng tay chống axít, kiềm(1); - Ủng chống axít, kiềm(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
99	Thăm dò, thu hồi tấm cực và sửa chữa ắc quy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn (1m x1m); - Găng tay cao su(1); - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi rửa vỏ bình.
XVII.6. Hơi kỹ thuật - Que hàn - Đất đèn			
100	Vận hành máy sản xuất ôxy, máy nén, máy phân ly, nạp ôxy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay chống lạnh; - Nút tai chống ồn;	

		- Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
101	- Rửa chai, kiểm tra chai, đánh rỉ chai ôxy; - Vận hành lò điện cực sản xuất đất đèn, chưng dầu cốc; - Nghiền, sàng, sấy, trộn chất bọc que hàn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Kính chống các vật văng bắn hoặc kính chống bức xạ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang/ Bán mặt nạ/ Mặt nạ phòng độc; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
102	- Vận hành lò luyện đất đèn; - Hàn điện cực lò luyện đất đèn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Giầy da cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống bức xạ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
103	Xay đất đèn, đập đất đèn, nghiền sàng than, vôi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Nút tai chống ồn; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
104	Đóng thùng đất đèn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
105	Vào liệu lò luyện đất	- Quần áo bảo hộ lao động phổ	(1) Trang bị chung

	đèn.	thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Áo mưa(1); - Xà phòng.	để dùng khi cần thiết
106	Gò hàn vỏ điện cực lò đất đèn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ hàn điện; - Xà phòng.	
107	- Sản xuất vỏ thùng đất đèn, dập nắp, cuộn tôn; - Kéo sắt đánh rỉ que hàn, cắt lõi que hàn; - Trộn ướt, ép bánh chất bọc que hàn; - Vận hành máy ép que hàn; - Điều chế Axêtylen.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
108	Bao gói, vào hộp que hàn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
109	Đóng thùng que hàn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
	XVII.7. Sơn - Mực in		
110	Nấu nhựa ankyd, nấu keo mực in.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
111	- Xử lý nguyên liệu sản xuất sơn, mực in (sàng sẩy hóa chất, lọc dầu); - Nghiền sơn, nghiền	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt;	

	mực; - Pha sơn, lọc sơn, đóng hộp.	- Găng tay cao su; - Kính chống các vật văng bắn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
112	Trộn, khuấy sơn cơ giới (muối, ủ sơn).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt cao cổ; - Găng tay cao su; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
113	Nghiên cứu, chế tạo các loại mực đặc biệt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Kính chống các vật văng bắn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
XVII.8. Bột giặt - Chất tẩy rửa			
114	- Phối liệu, pha chế hóa chất sản xuất bột giặt; - Sunphô hóa tạo kem trung tính sản xuất bột giặt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
115	Sàng, phun, sấy, vận chuyển thành phẩm bột giặt, bốc xếp bột giặt trong phân xưởng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
116	Cân, đóng gói bột giặt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khăn choàng chống nóng, nắng, bụi;	

		- Găng tay sợi; - Giầy vải bạt thấp cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
117	Sản xuất các loại chất tẩy rửa có tiếp xúc hóa chất, hơi khí độc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang lọc bụi chuyên dụng; - Xà phòng.	

XVIII. SẢN XUẤT GIẤY-DIÊM

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	- Kẻ giấy, cắt xén giấy; - Đếm giấy, bao gói giấy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn(1); - Xà phòng.	(1) Chỉ trang bị cho người vận hành máy cắt xén giấy.
2	- Nạp nguyên liệu vào nồi nấu, nấu bã mía; - Tẩy bột, nghiền, rửa, thu hồi bột giấy; - Sản xuất giấy gia lít, giấy ảnh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
3	Vận hành máy xeo giấy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
4	Làm nan, ống đáy diêm, que diêm, vào tai thanh la két, bao kiệm diêm, sấy khô, xén giấy, kiểm tra que diêm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
5	Nghiền hóa chất, nấu	- Quần áo bảo hộ lao động phổ	

	dầu làm diêm, chấm thuốc diêm, nấu hồ làm diêm.	thông; - Nút tai chống ồn; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải; - Xà phòng.	
6	Đứng máy bỏ bao, dán nhãn, phong chục.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	

XIX. SẢN XUẤT TẠP PHẨM

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Dập nắp bút máy, dập ống bọc vecsi, dập ngòi, xẻ rãnh ngòi bút, làm lưỡi gà.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng	
2	Điện phân đốt tẩy ngòi bút, cân gói mực, pha chế mực, tráng mực ru băng, rửa chai lọ, rửa nhựa tái sinh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
3	Đánh bóng ngòi bút, đánh bóng nhựa, trộn nhựa, cán ép nhựa gói mực.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
4	Bao gói thành phẩm, dán nhãn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	
5	Nấu men, nghiền men, đốt lò nung.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ; - Xà phòng.	
6	Tạo hình tráng men, phun hoa khắc bản.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải;	

		- Găng tay vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

XX. SẢN XUẤT THỦY TINH - GỐM SỨ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Gia công nguyên liệu, pha trộn nguyên liệu, vận chuyển thủy tinh, vận hành máy công nghệ sản xuất thủy tinh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy da thấp cổ; - Xà phòng.	
2	Nấu, kéo ống hoặc kính thủy tinh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy da cao cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Quần áo, mũ và găng tay chống nóng chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi xử lí sự cố ở lò nấu hoặc máy kéo kính.
3	Cắt bẻ, phân loại và đóng hòm kính.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy da cao cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
4	Phun nền vỏ phích, phun sơn vỏ phích, chấn lưu, rút khí chân không bóng đèn, hàn thiếc đèn, cắt thủy ngân, pha tráng bột huỳnh quang, xử lý các loại tụ đèn, đổ nhựa đường chấn lưu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
5	Điều khiển các loại máy nén, máy áp lực, sản xuất loa đèn, cắt đầu bóng đèn, thổi	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt;	

	phích, thổi bóng đèn, lắp vỏ phích.	- Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
6	Xử lý nước, mạ bạc phích, rửa sấy bóng đèn, kiểm nghiệm phích.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
7	Cắm dây tóc, kiểm tra đui, sấy dây tóc, ghép và điều chỉnh chấn lưu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
8	- Gia công nguyên liệu, trộn phối liệu; - Sấy khuôn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
9	- Tạo hình sản phẩm: đổ rót các loại sản phẩm gốm sứ (gồm cả sứ vệ sinh), khuôn thạch cao; - Đốt lò nung gốm sứ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su(1); - Ủng cao su hoặc giầy vải bạt chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người tạo hình sản phẩm.
10	Vẽ hoa, tô màu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
11	Phân loại, đóng gói các sản phẩm, gốm sứ (bao gồm cả sứ vệ sinh).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	

XXI. SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú

XXI.1. Tấm lợp - Gạch ngói - Ống sành sứ			
1	Vận hành máy trộn amiăng, xi măng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt cao cổ; - Tất vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng. - Khẩu trang/ Bán mặt nạ/ Mặ nạ chống độc	
2	- Vận hành máy cán, tạo sóng fibrô xi măng; - Tạo tấm fibrô xi măng bằng phương pháp thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Tất vải; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
3	- Đào vác đất, làm nhuyễn đất; - Làm đất ở những nơi bùn nước; - Làm đất đấu; - Làm dung dịch đất sét; - Thường xuyên bê vác dung dịch đất ướt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Găng tay su; - Xà phòng.	
4	Làm đất ở các nơi khô ráo: đào đất, xăm đất, xúc đất đổ vào máy nhào luyện, xúc đất lên các phương tiện vận tải.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
5	- Đập, nghiền, sàng các loại đất khô (làm thủ công); - Điều khiển và phục vụ các loại máy nghiền sàng các loại đất khô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	(1) Làm thủ công ngoài trời cấp nón.
6	Nghiền, sàng, trộn phối liệu làm gạch ngói, ống;	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khăn mặt bông; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học;	

		- Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
7	Nghiền, sàng, trộn phối liệu làm gạch chịu axít.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khăn mặt bông; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Găng tay chống axít, kiềm; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
8	- Tạo hình gạch (gồm cả gạch silicát, gạch men), ngói, ống; - Bảo dưỡng gạch hoa, gạch men (ceramic, granit), ngói xi măng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
9	Phun men lên gạch men hoặc ốp lát.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
10	Chuyên đốt lò nung: gạch (gồm cả gạch men hoặc ốp lát), ngói, ống.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
11	- Mài bóng sản phẩm gạch men hoặc ốp lát; - Phân loại và đóng gói sản phẩm gạch men hoặc ốp lát.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
12	Làm gạch, ngói xi măng, gạch than xỉ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	

		- Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
13	Bốc xếp ra vào lò nung hoặc lên xuống các phương tiện vận tải: tấm lợp, gạch ngói (gồm cả gạch men), ống.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Đệm vai; - Xà phòng.	
14	Làm các loại sản phẩm bê tông đúc sẵn (kể cả bảo dưỡng).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XXI.2. Cát sỏi			
15	Cào, xúc cát sỏi ở dưới nước lên thuyền, xà lan lên bãi chứa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
16	Khai thác cát sỏi ở trên cạn, ở các bãi sông phơi cát sỏi, cào xúc cát sỏi lên bằng thuyền, lên xuống các phương tiện vận tải, thu dọn cát sỏi ở bãi chứa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
17	Rửa, chọn cát sỏi và đá (máy, thủ công).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay cao su dày; - Ủng cao su; - Găng tay vải bạt(1); - Giầy vải bạt thấp cổ; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
18	Điều khiển và phục vụ các loại máy nghiền sàng cát sỏi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mũ an toàn công nghiệp;	

		- Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
19	- Nghiền sàng cát sỏi thủ công; - Cân đong cát sỏi, xi măng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XXI.3. Đá			
20	Vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng máy đập (đập hàm, đập búa).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
21	Đập đá dăm, vận chuyển đá dăm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng. - Nút tai chống ồn	
22	Vận hành và sửa chữa máy nhai đá, nghiền đá.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Khăn mặt bông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
23	Chuyển đá, bốc đá bỏ vào máy nhai đá, nghiền đá, chuyển đá rời khỏi khu vực nghiền đá, nhai đá.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
24	Đục đá phiến, đục đá làm dụng cụ sản xuất, dụng cụ gia đình.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
25	Điêu khắc đá.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Yếm choàng; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
26	Điều khiển máy và phục vụ việc mài thô, mài tinh, đánh bóng đá phiến, đá hoa granitô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
27	Sản xuất đá cắt, đá mài.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
28	Điều khiển và phục vụ máy cưa, cắt đá.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
29	Cắt đá thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

30	Bê vác, chất xếp đá, bốc vác đá lên xuống các phương tiện vận tải.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
31	Điều khiển các loại máy khoan đá, búa khoan lỗ mìn, nhồi thuốc mìn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Ủng cao su; - Dây an toàn chống ngã cao (dây thừng to)(1); - Nút tai chống ồn; - Khăn mặt bông; - Xà phòng	(1) Trang bị để làm việc trên cao.
		XXI.4. Vôi	
32	Ra vào lò vôi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ. - Khẩu trang/ bán mặt nạ/ Mặt nạ chống độc;	
33	- Chọn nhặt phân loại vôi, bốc xúc vận chuyển vôi (vôi bột, vôi khô) lên xuống các phương tiện vận tải, ra vào kho. - Đập, nghiền, sàng vôi khô, vôi bột (thủ công).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ.	
34	Điều khiển và phục vụ máy nghiền, trộn vôi	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	

	khô, trộn phối liệu vôi cát khô.	- Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ. - Nút tai chống ồn.	
		XXI.5. Xi măng	
35	- Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các loại bơm; - Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng cầu trục, cầu rải kho nguyên liệu, than; - Cấp liệu lò nung.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bảo hộ lao động; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng. - Khăn mặt bông; - Tất vải; - Dây đai an toàn chống ngã cao.	
36	- Vận hành máy khuấy, trộn nguyên liệu; - Vận hành các thiết bị vận chuyển.	- Mũ bảo hộ lao động; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng. - Tất vải.	
37	Vận hành máy nghiền sấy liên hợp (nghiền liệu, nghiền xi măng).	- Mũ bảo hộ lao động; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Tất vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su (1); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng. - Khăn mặt bông.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
38	Vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng lò nung	- Mũ bảo hộ lao động; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Kính chống bức xạ(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(2)	(1) Trang bị để dùng khi vận hành lò. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Áo quần vải bạt; - Quần áo chống nóng [3]; - Dây an toàn chống ngã cao [4]; - Găng tay chống nóng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Tất vải; - Găng tay chống nóng.	[3]; Trang bị để vào kiểm tra lò nung khi mới dừng có nhiệt độ cao. [4] Trang bị để dùng khi sửa chữa.
39	Xúc clinker gầm lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bảo hộ lao động; - Găng tay chống nóng; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy da cao cổ; - Tất vải hoặc xà cạp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Găng tay chống nóng.	
40	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống lọc bụi (tĩnh điện, tay áo).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bảo hộ lao động; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Giầy vải bạt cao cổ; - Tất vải hoặc xà cạp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị để dùng khi sửa chữa.
41	- Phân tích cơ lí hóa; - Vận hành máy Rơn ghen.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su mỏng; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Quần áo chống tia Rơnghen và phóng xạ[1]; - Xà phòng; - Tất vải; - Găng tay chịu axit.	[1] Trang bị khi vào vận hành máy Rơn ghen.
42	Đóng xi măng vào bao.	- Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học;	

		- Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Tất vải. - Xà phòng	
43	Vệ sinh công nghiệp trong nhà máy xi măng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt cao cổ; - Tất vải hoặc xà cạp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng; - Nút tai chống ồn; - Áo gile phản quang.	
44	Sửa chữa điện, cơ khí.	- Mũ bảo hộ lao động; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cách điện(1); - Ủng cách điện(1); - Giày chịu nhiệt, chống trơn trượt, chống dầu mỡ; - Xà phòng; - Tất vải.	(1) Trang bị chung theo cấp điện áp để dùng khi cần thiết.
45	Bốc vác, vận chuyển xi măng.	- Mũ bao tóc; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Tất vải hoặc xà cạp; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
46	- Vận hành máy đập búa, hàm, cán ép; - Vận hành thiết bị xuất xi măng, clinker;	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bảo hộ lao động; - Găng tay vải;	

	- Vận hành dây chuyền sản xuất bao xi măng.	- Giày vải thấp cổ: - Khẩu trang lọc bụi: - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng. - Tất vải	
47	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống khí hóa than, lò nung, buồng đốt trong sản xuất gạch, ngói, sản xuất xi măng	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bảo hộ lao động; - Nút tai chống ồn; - Găng tay vải; - Mặt nạ phòng độc; - Bình tự cứu; - Máy thở chuyên dụng.	

XXII. XÂY DỰNG

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
		XXII.1. Bê tông	
1	- Thợ sắt công trình; - Tháo ghép khuôn bê tông, cốt pha ở các công trình xây dựng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Giày bảo hộ chống đâm xuyên; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	
2	Điều khiển và phục vụ nhào trộn phối liệu làm vữa bê tông, vữa granitô bằng máy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
3	Trộn vữa bê tông, trộn phối liệu làm granitô, xúc chuyển đầm đổ bê tông theo phương pháp thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

4	Phá bê tông.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
5	Tháo ghép khuôn bê tông ở các xí nghiệp, cơ sở làm bê tông đúc sẵn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Dây an toàn chống ngã cao; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
6	Điều khiển máy phun xi măng, phun vữa, phun cát..	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
7	Điều khiển máy đầm rung bê tông, granitô (đầm áp lực).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
8	Điều khiển và phục vụ việc quay li tâm (bằng máy).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
9	Tưới nước dưỡng hộ bê tông, granitô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp(1); - Ủng cao su; - Xà phòng.	(1) Thay bằng Mũ, nón chống mưa nắng cho người sản xuất bê tông đúc sẵn.

XXII.2. Cầu phà đường			
10	- Cuốc đá, phá đá hộc, phá đá ở thác ghềnh, phá đá mở đường; - Đào đắp, gia cố nền đường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ghệt vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
11	- Giao nhận nhựa đường; - Lái xe chở nhựa đường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Yếm da; - Găng tay vải bạt; - Giầy da thấp cổ; - Xà phòng.	
12	- Vận hành máy nấu nhựa nhũ tương, máy sấy nhựa D506; - Vận hành trống đẩy đá; - Nấu và rải nhựa đường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông. - Mũ, nón chống mưa nắng. - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su[1]; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2m x0,8m); - Xà phòng.	[1] Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
13	- Điều khiển máy rải thảm bê tông nhựa nóng, bù, san, té đá mặt đường theo máy rải thảm bê tông nhựa nóng; - Phục vụ (làm thủ công) ở các trạm trộn bê tông nhựa nóng. - Rải đá, xếp đá, đầm đá mặt đường vá, chữa đường đá, đường nhựa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ hoặc giầy vải bạt cao cổ đế da; - Xà phòng.	
14	- Lái máy lu (máy lu hơi nước và máy lu điêden).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng;	

		- Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
15	Điều khiển máy trộn bê tông nhựa nóng.	- Áo quần vải bạt mỏng; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Kính chống bức xạ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
16	Xây dựng duy tu, bảo dưỡng nhà ga, đường lăn máy bay, đường băng, sân đỗ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo chống rét(1); - Giầy vải bạt ngắn cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Áo mưa; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
17	- Thợ sắt làm và sửa chữa cầu sắt; - Uốn sắt bê tông cầu; - Cạo rỉ sơn cầu sắt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Giầy bảo hộ chống đâm xuyên; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(1); - Áo mưa; - Xà phòng.	(1) Trang bị để sử dụng khi làm việc trên mặt nước hoặc trên cao.
18	Tán ri vê cầu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Bịt tai chống ồn; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(1); - Áo mưa; - Xà phòng.	(1) Trang bị để sử dụng khi làm việc trên mặt nước hoặc trên cao.
19	Làm việc kích kéo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt;	

		- Đệm vai; - Giầy vải bạt cao cổ; - Áo mưa; - Xà phòng.	
20	- Trực tiếp chỉ huy thi công và sửa chữa cầu đường; - Trực tiếp hướng dẫn chỉ đạo công việc ở trạm trộn bê tông nhựa nóng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
21	Bảo quản, sửa chữa, tháo lắp, tát nước, thủy thủ bến phà.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Phao cứu sinh(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
22	Thợ lặn.	- Quần áo chống lạnh(1); - Găng tay sợi(1); - Tất chống rét(1); - Khăn quàng chống rét(1); - Quần đùi, áo cổ vuông (2); - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(3); - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt(3); - Giầy vải bạt thấp cổ(3); - Bộ quần áo thợ lặn(4); - Bình dưỡng khí(4); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi lặn có dụng cụ. (2) Trang bị để dùng khi lặn vo. (3) Trang bị để dùng khi làm các công việc lao động khác ngoài thời gian lặn và phục vụ lặn. (4) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
23	Điện thoại viên, dây hiệu viên phục vụ lặn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XXII.3. Điều khiển máy, thiết bị thi công			
24	- Điều khiển máy đóng cọc; - Điều khiển máy bơm hút bùn nước lưu động ở các công trường xây dựng, khai thác.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

25	Điều khiển các loại máy đào đất, san đất, đầm, xúc, ngoạm đất cho công trường xây dựng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
26	- Điều khiển tời điện, tời vận thăng, máy vận thăng thiên xa; - Điều khiển tời quay tay; - Chuyên móc cáp, móc các cấu kiện, móc cáp phục vụ xây lắp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
27	Điều khiển các loại máy thi công khác.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XXII.4. Xây lắp, sửa chữa và phục vụ thi công			
28	Đào móng, đào hào, đào giếng, san bãi, san nền.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
29	Phụ nề.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Dây an toàn chống ngã cao; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
30	Xây dựng, sửa chữa công trình.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học;	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Giầy vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao[1]; - Phao cứu sinh[1]; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
31	Chuyên sửa chữa lò nung, lò sấy, lò hơi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Dây đai an toàn chống ngã cao; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
32	Xây, sửa chữa ống khói lò cao.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Quần áo chống lạnh[1]; - Mũ chống lạnh[1]; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	[1] Cấp khi làm việc trên cao về mùa rét.
33	Xây, đặt đường cống ngầm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Ủng cao su[1]; - Khăn mặt bông; - Xà phòng;	[1] Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
34	Xây, bảo quản, sửa chữa: cống nhỏ, ngõ nghẽn, hàm ếch.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Ủng cao su[1]; - Khăn mặt bông; - Xà phòng;	[1] Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.

35	- Sơn tường và cạo tường quét vôi; - Đục tường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
36	Trát trần theo lối vãi bằng tay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
37	Đào, lắp đặt, sửa chữa đường ống.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao; - Phao cứu sinh (1); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
38	- Chuyên làm việc bảo ôn, chống thấm; - Đào, lắp đặt, sửa chữa đường ống hơi, ống dẫn nước; - Đào, lắp, sửa chữa đường ống sành sứ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
39	Mài, đẽo, đập (thủ công) các loại gạch	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng;	

		- Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
40	Pha trộn bê tum, nấu bê tum, quét bê tum.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su(1); - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
41	Cắt kính, lắp kính và trát mát tít.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
42	Sửa chữa vì kèo; làm nhà gỗ, tre, lán trại; làm giàn giáo, tháo dỡ giàn giáo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Phao cứu sinh(1); - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
43	Chuyên sửa chữa các dụng cụ phục vụ các công trường xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
44	Phất cờ hiệu trên công trường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Kính chống bức xạ; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	

XXIII. THỦY LỢI

Số	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú

TT			
1	Trắc địa phục vụ cho việc lập bản đồ qui hoạch hoặc thiết kế các công trình thủy lợi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Quần áo và mũ chống lạnh(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc tại vùng rét.
2	- Trắc địa phục vụ đo đạc khối lượng dự toán nghiệm thu các công trình thủy lợi, cắm tàu nạo vét sông ngòi; - Trắc địa đo đạc độ sâu lòng sông, dự toán khối lượng các công trình đê điều của các đội khảo sát đê.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Tất chống vắt hoặc đỉa(1); - Phao cứu sinh(2); - Áo mưa; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở nơi có vắt hoặc đỉa. (2) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
3	Sửa chữa tàu thuyền, ca nô ở các ụ đà.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Xà phòng.	
4	Quản lí công trình điều hòa phân phối nước, cạo hà, cạo gỉ sắt, lau chùi dây cáp, đóng cửa cống.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt ngắn cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học (1); - Áo mưa; - Ủng cao su(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng khi cạo rỉ sắt. (2) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
5	- Quản lí, sửa chữa đê, kè, cống; - Trồng và chăm sóc cây chắn sóng, chống sói mòn công trình thủy lợi; - Đào đắp, vận chuyển đất đá, vật liệu xây dựng, bảo vệ các công	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Áo mưa; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

	trình thủy lợi (kênh, mương, đê, bờ bao).		
6	Thủy thủ, thuyền viên, kĩ thuật viên, thợ điện, thợ máy tàu công trình thủy lợi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Quần áo và mũ chống lạnh(1); - Áo mưa; - Giầy cao su; - Găng tay vải bạt; - Phao cứu sinh(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
7	Vận hành máy khoan khảo sát địa chất công trình thủy lợi;	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Quần áo chống lạnh; - Mũ chống lạnh; - Tất chống vắt; - Xà phòng.	
8	Khoan phụt vữa, xi măng, sét các công trình thủy lợi, gia cố nền móng, chống thấm nền móng và thân công trình thủy lợi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Quần áo chống lạnh; - Mũ chống lạnh; - Xà phòng.	
9	Đo địa chấn, nổ mìn, đập búa tạo độ rung.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Quần áo chống lạnh; - Mũ chống lạnh; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	

XXIV. GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
		XXIV.1. Đường sắt	

1	- Lái tàu, phụ lái tàu; - Lái ô tô ray; - Lái goòng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi không cấp đồng phục.
2	- Trưởng, phó tàu; - Hành lý viên giao nhận hàng hóa theo tàu; - Trực ban chạy tàu ga; - Phục vụ hành khách, hàng hóa trên tàu và dưới ga (nhân viên ăn uống, khách vận và hóa vận); - Chỉ đạo xếp dỡ; - Phục vụ giao tiếp hành khách, hàng hóa, toa xe và phiên dịch tại ga biên giới liên vận quốc tế.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Mũ vải; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi không cấp đồng phục.
3	Áp tải kỹ thuật trên tàu (kỹ thuật điện hoặc kỹ thuật toa xe).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông (1); - Găng tay cách điện hoặc găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi không cấp đồng phục.
4	- Khám xe làm việc ở các ga, trạm; - Kiểm tra, trực giải quyết trở ngại thông tin tín hiệu ở các ga, trạm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt hoặc ủng cao su; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi không cấp đồng phục.
5	Lâm tu chỉnh bị đầu máy, toa xe.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ (giầy da, giầy vải chống xăng, dầu, mỡ); - Xà phòng.	
6	Nguội sửa chữa, bảo quản, lắp ráp các loại phụ tùng đầu máy, toa xe.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi;	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Xà phòng.	
7	Nguội sửa chữa, bảo dưỡng, lắp ráp các loại máy, thiết bị có nhiều dầu mỡ: giá chuyển hướng, đầu đấm móc nối, hệ thống hãm đầu máy và toa xe, máy bơm dầu, các thiết bị chứa dầu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
8	- Nguội sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành các loại máy diezen, máy phát điện, máy nén gió, nguồn điện; - Sửa chữa, bảo dưỡng máy điều hòa không khí lắp trên đầu máy, toa xe	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cách điện(1); - Ủng cách điện(1); - Nút tai chống ồn; - Áo mưa vải bạt(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị khi làm việc ngoài trời.
9	Trưởng dồn, ghép nối đầu máy, toa xe, dẫn máy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo phản quang; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi không cấp đồng phục.
10	Gác ghi, gác đường ngang, gác cầu chung.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông (1); - Áo phản quang; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi không cấp đồng phục
11	Tuần đường, cầu, hầm, gác hầm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Áo phản quang; - Mũ vải; - Giầy vải bạt; - Áo mưa vải bạt;	

		- Xà phòng.	
12	Đại tu, duy tu cầu, đường sắt, thông tin tín hiệu, kiến trúc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo phản quang; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt; - Đệm vai; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	
13	Nấu ăn phục vụ tại các đội, cung cầu và cung đường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt bẩn; - Giầy vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su(1); - Áo mưa vải bạt(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
14	Hóa nghiệm.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su (1); - Ủng cao su; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
15	Lồng bánh xe lửa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
16	- Sửa chữa chi tiết, phụ tùng, đệm ghế toa xe; - Mộc lắp ráp, sửa chữa toa xe.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
17	Cấp nước đầu máy, toa xe. Kỹ thuật viên nhiệt lực, đội trưởng lái máy, điểm xe thương vụ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa vải bạt;	

		- Xà phòng.	
18	- Lau, quét rửa toa xe; - Vệ sinh công nghiệp trong nhà xưởng; - Vệ sinh sân ga, nhà kho, bến bãi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su hoặc giầy vải; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	
XXIV.2. Đường bộ			
19	- Lái xe kiêm sửa chữa các loại xe con, xe chở khách; - Lái xe kiêm sửa chữa xe tang, xe cứu thương; - Lái xe kiêm sửa chữa xe điều chuyển hàng đặc biệt (tiền, vàng, đá quý).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Áo mưa; - Chiếu cá nhân; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ; - Xà phòng.	
20	- Lái các loại xe ôtô, môtô ba bánh có thùng hoặc hòm chở hàng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ bảo hiểm đi mô tô(1); - Kính đi môtô(1); - Chiếu cá nhân(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng khi lái xe không mui. (2) Trang bị cho lái xe kiêm sửa chữa.
21	- Phụ xe: bán vé và chất xếp hàng hóa đi theo xe khách.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ vải; - Xà phòng.	
22	- Lái xe vận tải: - Lái các loại xe vận tải hàng hóa, nguyên vật liệu, trang thiết bị, thực phẩm. - Phụ lái, áp tải các loại xe vận tải hàng hóa nguyên vật liệu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Khăn mặt bông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Chiếu cá nhân(1);	(1) Trang bị cho lái xe kiêm sửa chữa.

		- Xà phòng.	
23	- Lái xe, phụ lái các xe ô tô thi công hoặc trực tiếp phục vụ trên các công trường xây dựng, thủy lợi, khảo sát địa chất, khai thác vật liệu xây dựng, trong dây chuyền sản xuất bê tông. - Lái xe vận tải hạng nặng từ 10 tấn trở lên.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nịt bụng(1); - Chiếu cá nhân(2); - Áo mưa có mũ(3); - Xà phòng.	(1) Cho loại xe trên 10 tấn. (2) Trang bị cho lái xe kiêm sửa chữa. (3) Trang bị cho lái xe không mui.
24	- Đội trưởng, đội phó, nhân viên kĩ thuật thường xuyên đi theo xe để hướng dẫn công tác hoặc trực tiếp lái xe.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	
25	- May đệm ôtô, máy kéo; - Vá săm, đắp lốp ôtô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
26	Sửa xe, bơm dầu mỡ và lau chùi xe ôtô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
27	Sửa chữa ôtô lưu động theo các tổ đội, đoàn xe.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Chiếu cá nhân; - Xà phòng.	
28	Kiểm tra an toàn xe ôtô, khám xe ôtô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	
29	- Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	(1) Trang bị chung để dùng khi cần

	của hầm đường bộ; - Giám sát đảm bảo giao thông, vệ sinh trong hầm đường bộ.	- Giầy chống xăng, dầu, mỡ, a xít (giầy da, giầy vải chống xăng, dầu, mỡ, a xít); - Mũ an toàn công nghiệp(1); - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Chụp tai, nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang; - Ủng cách điện(1); - Găng tay cách điện(1); - Găng tay chống axit, kiềm; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Áo mưa; - Quần áo chống vi khuẩn (bằng giấy chuyên dụng); - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	thiết.
30	Bảo vệ hầm đường bộ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Chụp tai, nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang; - Áo mưa; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
31	Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn hầm đường bộ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy da chống nóng, chống cháy; - Mũ an toàn công nghiệp; - Quần áo chống nóng, chống cháy; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Mặt nạ chống hơi độc; - Găng tay chống nóng, chống cháy; - Găng tay vải; - Chụp tai, nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang; - Găng tay cách điện (1); - Dây an toàn chống ngã cao (1); - Áo mưa;	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Quần áo chống vi khuẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
32	Thu phí cầu đường bộ, thu cước phà.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Quần áo chống lạnh(1); - Mũ an toàn công nghiệp hoặc mũ kepi; - Giầy da; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Chụp tai, nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang(2); - Áo mưa; - Ủng cao su.	(1) Trang bị làm việc ở vùng rét. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
33	Tuần tra cầu đường bộ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải; - Mũ an toàn công nghiệp, mũ vải hoặc nón lá; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Dây đeo an toàn(1) - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang(1); - Áo mưa; - Ủng cao su.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
34	Xây dựng, sửa chữa cầu đường bộ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ an toàn công nghiệp, mũ vải hoặc nón lá; - Giầy vải; - Áo phản quang(1); - Kính mầu chống bức xạ(1); - Ủng cao su; - Găng tay vải; - Xà phòng; - Dây đeo an toàn(1); - Phao cứu sinh(1); - Đệm vai(1).	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
35	Chỉ huy, kỹ thuật viên giám sát thi công tại các công trình xây dựng, sửa chữa cầu,	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ an toàn công nghiệp;	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

	đường bộ.	- Giầy vải; - Ủng cao su[1]; - Xà phòng; - Dây đeo an toàn[1]; - Phao cứu sinh[1].	
36	Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình giao thông.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Giầy vải; - Ủng cao su; - Găng tay (vải, cao su); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
	XXIV.3. Đường thủy		
37	- Lái tàu, thuyền trưởng, thuyền phó, chính trị viên, quản trị trưởng tàu vận tải, tàu công trình, tàu cấp cứu biển; - Thủy thủ các loại tàu biển (trừ tàu cá).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp[1]; - Quần áo và mũ chống lạnh[1]; - Áo mưa; - Giầy cao su[1]; - Phao cứu sinh[2]; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng. - Kính bảo hộ lao động; - Đèn pin; - Bịt tai chống ồn	[1] Đã trang bị đồng phục thì không trang bị nữa. [2] Trang bị để dùng khi cần thiết.
38	Thuyền trưởng, thuyền phó, thủy thủ làm việc trên phương tiện thủy nội địa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Áo mưa; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Mũ chống lạnh[1]; - Găng tay vải bạt; - Phao cứu sinh[2]; - Xà phòng. - Kính bảo hộ lao động; - Đèn pin; - Bịt tai chống ồn	[1] Trang bị cho người làm việc ở vùng khí hậu rét. [2] Trang bị để dùng khi cần thiết.
39	Máy trưởng, máy phó, thợ máy, thợ chấm dầu, kỹ thuật viên các loại máy trên tàu biển. Máy trưởng, máy phó, thợ máy phương tiện thủy	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Bịt tai chống ồn;	[1] Trang bị để dùng khi cần thiết.

	nội địa.	- Phao cứu sinh(1); - Xà phòng. - Găng tay cách điện; - Ủng cách điện. - Kính bảo hộ lao động; - Đèn pin; - Mũ có tấm kính che mặt	
40	Thợ điện làm việc trên các loại tàu biển, tàu sông (kể cả tàu vận tải và tàu công trình thủy).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay cách điện(1); - Ủng cách điện(1); - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Phao cứu sinh(1); - Xà phòng. - Đèn pin; - Kính bảo hộ lao động.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
41	Hoa tiêu (hướng dẫn tàu ra, vào cảng).	- Áo mưa; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Đèn pin; - Xà phòng.	
42	- Vô tuyến điện trên tàu biển; - Phiên dịch trên tàu biển.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Phao cứu sinh(2); - Mũ vải; - Đèn pin; - Xà phòng.	(1) Nếu được trang bị đồng phục thì thôi. (2) Trang bị để dùng khi cần thiết.
43	Vệ sinh trên tàu biển.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Đèn pin; - Xà phòng.	
44	- Thợ đèn đảo: bảo quản, sửa chữa và gác đèn đảo (kể cả thợ máy điện); - Bảo quản, sửa chữa và thay đèn biển, đèn cửa sông giáp biển.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Găng tay vải bạt(1); - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Áo mưa(2); - Ủng cao su; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Phao cứu sinh(3); - Đèn pin;	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị chung để dùng khi đi tuần tra, canh gác. (3) Trang bị để dùng chung.

		- Xà phòng.	
45	Làm việc ở các trạm hàng giăng thả phao, thắp đèn, cắm biển báo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng(1); - Găng tay vải bạt; - Áo mưa(2); - Giầy vải bạt thấp cổ; - Phao cứu sinh(2); - Đèn pin; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ngoài trời. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết
46	Duy tu đường sông: phá bãi bồi, thanh thải các chướng ngại vật ven sông.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Phao cứu sinh(1); - Đèn pin; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
47	Cạo hà, cạo gỉ và sơn phao đèn biển; cạo hà, cạo gỉ các loại tàu biển, tàu sông.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2m x 1,8m); - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Bịt tai chống ồn(1); - Đèn pin; - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng khi gõ cạo gỉ bằng máy.
48	- Làm nhiệm vụ buộc, cởi dây tàu thuyền ở bến cảng; - Xây dựng và sửa chữa các công trình đèn đảo, đèn biển.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Đèn pin; - Xà phòng.	
49	Lao động ụ đà, xưởng sửa chữa phương tiện thủy nội địa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai;	

		- Đèn pin; - Xà phòng.	
50	- Vận tải thuyền thủ công; - Vận hành ca nô, thuyền phà, bè mảng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Đèn pin; - Xà phòng.	
51	Hướng dẫn người xe qua phà, cầu phao.	- Áo mưa; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Đèn pin; - Xà phòng.	
52	Công nhân khảo sát đường thủy nội địa	- Quần áo vải dầy; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay; - Áo mưa; - Giầy vải; - Ủng cao su; - Tất chống vắt đỉa; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(1); - Đèn pin; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi đi khảo sát.
53	Công nhân quản lý đường thủy nội địa.	- Quần áo vải dầy; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giầy vải; - Ủng cao su; - Tất chống vắt đỉa; - Phao cứu sinh(1); - Đèn pin; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
54	Công nhân sản xuất và lắp đặt báo hiệu đường thủy.	- Quần áo vải dầy; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Bịt tai chống ồn (1); - Găng tay vải bạt; - Găng tay da; - Áo mưa; - Giầy vải; - Ủng cao su;	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết

		- Tất chống vắt đỉa; - Dây an toàn chống ngã cao[1]; - Phao cứu sinh[1]; - Yếm hoặc tạp dề cao su chống axít[1]; - Đèn pin; - Xà phòng.	
55	Thuyền trưởng, Máy trưởng làm việc trên tàu công tác quản lý đường thủy nội địa	- Quần áo vải dầy; - Mũ an toàn công nghiệp, Mũ chống lạnh; - Găng tay; - Áo mưa; - Giầy vải; - Dép nhựa có quai hậu; - Phao cứu sinh; - Đèn pin; - Xà phòng.	
XXIV.4. Đường hàng không			
56	Vệ sinh công nghiệp máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp hoặc mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải sợi; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Áo mưa; - Áo choàng chống ướt bẩn; - Găng tay cao su chuyên dùng; - Ủng cao su; - Áo phản quang[1]; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn[2]; - Áo quần chống rét[3]; - Xà phòng.	[1] Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. [2] Trang bị cho người phải tiếp xúc với độ ồn cao. [3] Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
57	Vệ sinh, quét dọn trên máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày da thấp cổ có mũi sắt; - Găng tay cao su; - Áo mưa; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Áo phản quang[1]; - Quần áo chống lạnh gắn thêm dải phản quang[2]; - Dép nhựa quai hậu [1][3]; - Xà phòng.	[1] Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. [2] Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. [3] Sử dụng khi trời mưa.
58	Hút rửa buồng vệ sinh ở máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang;	[1] Trang bị cho người làm việc ở

		- Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy da thấp cổ; - Găng tay cao su; - Áo mưa; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Áo phản quang; - Quần áo chống lạnh(1); - Xà phòng.	vùng rét.
59	Giặt thảm máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay chống ướt, bẩn; - Ủng cao su hoặc giầy cao su; - Yếm chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
60	- Lái các loại xe đặc chủng phục vụ bay: + Lái xe dẫn đường máy bay, xe đầu kéo máy bay; + Lái xe thang, xe tải chở hàng; - Lái xe phục vụ chở người ngoài sân đỗ máy bay; - Lái xe thùng cung ứng, giao nhận suất ăn cho hành khách trên máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Mũ vải; - Găng tay vải sợi tráng hạt; - Giầy da cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Áo phản quang(1); - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn(2); - Áo quần chống rét(3); - Dép nhựa quai hậu hoặc giày nhựa(1) (4); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. (2) Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. (3) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. (4) Sử dụng khi trời mưa.
61	Thợ sửa chữa, vận hành trang thiết bị bay mặt đất.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su chống dầu; - Mũ vải; - Giầy mũi sắt chống trơn trượt; - Găng tay chống dầu; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay len có gai; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Áo chống rét(1); - Áo mưa(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị khi làm việc ở vùng rét. (2) Trang bị tập thể để làm ngoài sân bay.
62	Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng thiết bị trung tâm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy da chống trơn trượt cách điện;	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị cho

		- Kính màu chống bức xạ[1]; - Găng tay vải sợi; - Găng tay cao su cách điện; - Nút tai chống ồn[2]; - Xà phòng.	người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao.
63	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đo lường, kiểm chuẩn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải sợi; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Xà phòng.	
64	- Thợ bơm xăng dầu, thu nạp dầu thải cho máy bay; - Lái xe tra nạp xăng dầu cho máy bay; - Hoá nghiệm, viết phiếu tại sân đỗ máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang/bắn mặt nạ/ Mặt nạ chống độc; - Giầy vải bạt thấp cổ hoặc dép quai hậu; - Áo mưa; - Áo phản quang; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ[1]; - Ủng cao su chống dầu[1]; - Quần áo chống lạnh[2]; - Xà phòng.	[1] Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với dầu mỡ. [2] Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
65	- Giám sát, điều hành dịch vụ mặt đất; - Điều hành, thống kê tại sân đỗ; - Hướng dẫn hành khách đi, đến bằng máy bay; - Giao nhận, làm tải và giám sát bốc xếp hàng hoá lên xuống máy bay. - Điều độ, phục vụ cung ứng giao nhận suất ăn cho hành khách - Nhân viên cân bằng trọng tải	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông[1]; - Mũ vải[1]; - Giày da cao cổ có mũi sắt; - Găng tay vải sợi; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Áo mưa; - Áo phản quang[2]; - Quần áo chống lạnh gắn phản quang[3]; - Dép nhựa quai hậu hoặc giày nhựa[2] [4]; - Xà phòng.	[1] Nếu đã được trang bị đồng phục thì thôi. [2] Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. [3] Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. [4] Sử dụng khi trời mưa.
66	Cung ứng vật tư khí tài máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải sợi; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn	[1] Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. [2] Sử dụng khi trời mưa.

		trượt; - Áo mưa; - Áo phản quang(1); - Dép nhựa quai hậu(1) (2); - Xà phòng.	
67	- Thợ sơn máy bay và các thiết bị khác; - Thợ mạ chi tiết.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp hoặc mũ vải; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay cao su chống hoá chất chuyên dùng(1); - Ủng chống axít, kiềm(1); - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng(1); - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Áo phản quang(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay.
68	May, vá lợp cánh máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang(1); - Dép nhựa quai hậu (1) (2); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. (2) Sử dụng khi trời mưa.
69	Thợ cơ giới máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy da chống trơn trượt; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su chống hoá chất chuyên dùng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Áo phản quang(2); - Áo mưa(3); - Dép nhựa quai hậu(2) (4); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. (3) Trang bị cho người làm việc ngoài trời. (4) Sử dụng khi trời mưa.
70	Thợ đặc thiết máy bay (thợ điện, đồng hồ).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	(1) Trang bị cho người khi làm

		- Mũ vải; - Giầy da chống trơn trượt; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cách điện; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn(1); - Áo phản quang(2); - Áo mưa(3); - Quần áo chống lạnh(4); - Dép nhựa quai hậu(2) (5); - Xà phòng.	việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. (2) Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. (3)Trang bị cho người làm việc ngoài trời. (4) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. (5) Sử dụng khi trời mưa.
71	- Nhân viên điều hành khai thác bay; - Nhân viên hướng dẫn máy bay vào sân đỗ; - Nhân viên bảo trì đường băng, sân đỗ máy bay.	- Áo mưa; - Áo chống rét(1); - Bịt tai chống ồn(2); - Áo phản quang(3) - Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	1) Trang bị khi làm việc ở vùng rét. (2) Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. (3) Trang bị cho nhân viên hướng dẫn máy bay vào sân đỗ.
72	- Thợ vô tuyến, ra đa; - Nhân viên phòng hiệu chuẩn đo lường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy da thấp cổ; - Kính chống bức xạ; - Găng tay cách điện(1); - Bộ quần áo chống điện từ trường(1); - Mũ an toàn công nghiệp chống điện từ trường(1); - Áo mưa(2); - Áo phản quang(3); - Quần áo chống lạnh(4); - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn(5); - Dép nhựa quai hậu(3) (6); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị cho người làm việc ngoài trời. (3) Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. (4) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. (5) Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. (6) Sử dụng khi trời mưa.
73	Rửa lọc siêu âm máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Găng tay chống hoá chất chuyên dùng;	

		- Xà phòng.	
74	Công nhân sửa chữa các đài thu phát sóng siêu cao tần UHF, NDB, ILS vệ tinh vi ba, VOR, DME, VHF, RADAR.	- Quần áo chống điện từ trường(1); - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo chống rét(2); - Giầy da đế cao su cách điện; - Kính chống điện từ trường; - Bịt tai chống ồn(3); - Mũ chống điện từ trường; - Mũ vải; - Găng tay cách điện; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa(4); - Xà phòng. - Dây đai an toàn chống ngã cao	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị cho người làm việc ngoài trời ở vùng rét. (3) Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. (4) Trang bị cho bộ phận làm việc ở ngoài trời.
75	Vệ sinh công nghiệp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo chống rét(1); - Mũ vải; - Ủng cao su chống dầu(2); - Giầy da thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng có rét. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
76	Nhân viên tìm kiếm, cứu nguy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Giầy da chống trơn trượt; - Mũ vải; - Áo mưa; - Xà phòng.	
77	Bốc xếp, nhận, trả hành lý hoặc hàng hóa.	- Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Găng tay vải bạt tráng sợi hoặc găng tay 3 ; - Áo chống rét thêm dải phản quang(1); - Giầy da thấp cổ; - Áo mưa(2); - Ủng cao su; - Mũ vải; - Đệm vai; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. (2) Trang bị chung theo ca trực để dùng khi cần thiết.
78	Bốc xếp hành lý hoặc hàng hoá lên xuống máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động gắn them phản quang; - Găng tay len; - Khẩu trang lọc bụi;	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.

		- Găng tay len có gai hở 3 ngón; - Giày da thấp cổ có mũi sắt; - Mũ vải; - Đệm vai; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Áo mưa; - Ủng cao su; - Áo phản quang; - Quần áo chống lạnh có thêm dải phản quang(2); - Kính màu chống bức xạ - Xà phòng.	
79	Nhân viên an ninh hàng không.	- Áo chống rét(1); - Áo mưa; - Găng tay vải sợi; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su chuyên dùng; - Giầy nhựa đi mưa; - Nút tai chống ồn(2); - Kính chống bức xạ(2); - Áo phản quang(2); - Quần áo chống nóng, chống cháy(3); - Giầy da cách điện (3); - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng (3). - Ủng cao su; - Mũ, nón chống mưa nắng(4); - Xà phòng.	(1) Trang bị khi làm việc ở vùng có rét. (2) Dùng cho nhân viên bảo vệ sân đỗ. (3) Chỉ trang bị dùng chung cho nhân viên an ninh, đặc nhiệm. (4) Nếu đã được trang bị đồng phục thì thôi.
80	Nhân viên kiểm tra, giám sát an ninh hàng không tại khu bay, sân đỗ máy bay.	- Mũ vải; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa; - Áo phản quang(1); - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su.	(1) Trang bị chung cho ca trực để dùng khi cần thiết.
81	Nhân viên kiểm tra, giám sát an toàn hàng không tại khu bay, sân đỗ máy bay.	- Mũ vải; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa; - Áo phản quang(1); - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Kính chống điện từ trường(1); - Bộ quần áo chống điện từ trường(1); - Mũ an toàn công nghiệp chống điện từ trường(1).	(1) Trang bị chung cho ca trực để dùng khi cần thiết.
82	Nhân viên kiểm tra, giám sát môi trường tại	- Mũ vải; - Nút tai chống ồn;	(1) Trang bị chung cho ca trực để

	khu bay, đỗ sân máy bay.	- Áo mưa; - Áo phản quang[1]; - Ủng cao su.	dùng khi cần thiết.
83	- Nhân viên cân bằng trọng tải; - Nhân viên hướng dẫn chất xếp hành lý.	- Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Mũ vải; - Bịt tai chống ồn; - Áo mưa; - Găng tay len có gai; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Áo phản quang - Xà phòng.	
84	Nhân viên phòng cháy chữa cháy hàng không.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bảo vệ; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ; - Áo mưa; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Quần áo chống nóng, chống cháy; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
85	- Nhân viên kho hành lý thất lạc; - Nhân viên kho vật tư hàng hóa, nguyên vật liệu, trang thiết bị (kể cả giao nhận, bảo quản).	- Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Giày da thấp cổ có mũi sắt - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su Y tế; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
86	Nhân viên y tế hàng không.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su y tế; - Ủng cao su; - Áo mưa[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị chung cho ca trực để sử dụng khi cần thiết.
87	Nhân viên quản lý ULD (nhân viên quản lý các thùng hàng được vận chuyển bằng xe đầu kéo).	- Áo phản quang; - Mũ vải; - Nút tai chống ồn hoặc bịt tai chống ồn; - Áo mưa. - Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Găng tay len có gai; - Giày vải bạt chống trơn trượt; - Ủng cao su;	

		- Xà phòng.	
88	Quan trắc khí tượng hàng không.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Mũ vải; - Kính chống bức xạ; - Găng tay vải bạt; - Áo choàng vải xanh.	
89	Nhân viên vận hành kiêm sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị văn phòng (máy vi tính, photocopy, máy điện thoại, fax).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Xà phòng; - Bán mặt nạ chuyên dùng(1);	(1) Dùng chung khi cần thiết.
90	Nhân viên kiểm soát các phương tiện mặt đất.	- Áo phản quang; - Ủng cao su. - Giày da thấp cổ có mũi sắt	
		XXIV.5. Bốc xếp	
91	- Lái cẩu: + Cẩu chân đế, cẩu chuyển, cẩu nổi, cẩu bánh lốp, cẩu bánh xích, cẩu thiếu nhi; + Lái xe nâng hàng và điều khiển các loại xe cần trục, cầu trục; - Lái máy kéo bánh lốp, bánh xích.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải(1); - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Áo phản quang; - Khẩu trang chống bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	(1) Trang bị Mũ an toàn công nghiệp cho người điều khiển loại xe không có mui che.
92	Điều khiển các loại băng chuyển tải hàng có nhiều bụi bẩn như: than, đất, cát, sỏi, vôi, xi măng (kể cả việc dọn thải tạp chất).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2 x 0,8m); - Ủng cách điện(1); - Áo mưa; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung theo băng chuyền.
93	Điều khiển các loại xe do súc vật kéo và chăm sóc súc vật, có làm nhiệm vụ bốc xếp hàng hoá lên xuống các phương tiện đó.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi(1); - Găng tay vải bạt(1); - Đệm vai(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người kiêm cả bốc xếp.

94	Điều khiển các loại xe do súc vật kéo và chăm sóc súc vật, không trực tiếp bốc xếp hàng hoá lên xuống các phương tiện đó.	- Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
95	- Bốc xếp hoặc giao nhận hàng hoá, nguyên vật liệu tại các kho hàng, lên xuống các phương tiện vận tải thô sơ, cải tiến và kéo đẩy các phương tiện đó; - Giao nhận hoặc bốc xếp, chuyển dời, đảo trộn, thu dọn các loại hàng hoá, nguyên vật liệu, thùng két nặng, ráp do cạnh sắc nhọn; - Giao nhận hoặc bốc xếp, chuyển dời, thu dọn các loại nguyên vật liệu, hàng hoá rời, có nhiều bụi bẩn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi(1); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học (1); - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2m x 0,8m); - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người xếp dỡ các loại hàng rời có nhiều bụi bẩn.
96	Chuyên sửa chữa và giao nhận, cất giữ các dụng cụ, phương tiện bốc xếp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
97	Bốc xếp giao nhận hàng lên xuống các phương tiện thủy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học (1); - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải thấp cổ; - Đệm vai; - Khăn choàng chống bụi, nắng, nóng; - Phao cứu sinh(2) - Xà phòng.	(1)Trang bi cho người bốc xếp loại hàng có nhiều bụi bẩn. (2)Trang bị chung đủ để dung khi cần thiết.
XXIV.6. Đăng kiểm			
98	Đăng kiểm viên đường sắt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp;	

		- Giầy chống xăng, dầu mỡ (giầy da, giầy vải chống xăng, dầu, mỡ); - Găng tay vải bạt; - Đèn pin; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; Xà phòng.	
99	Đăng kiểm viên đường bộ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ chống trơn trượt; - Găng tay; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
100	Đăng kiểm viên đường thủy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy chống xăng, dầu mỡ (giầy da, giầy vải chống xăng, dầu, mỡ); - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
XXIV.7. Công nghiệp tầu thủy			
XXIV.7.1. Làm việc trên tầu			
101.	Thợ máy.	- Quần áo vải cotton; - Giày da đế chịu dầu; - Mũ an toàn công nghiệp bảo hộ; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	
102.	Thợ ống.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy da đế chịu dầu; - Mũ an toàn công nghiệp bảo hộ; - Găng tay vải; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	
103.	Thợ nguội.	- Quần áo vải cotton; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng. - Giầy da đế chịu dầu; - Nút tai chống ồn; - Dây an toàn chống ngã cao.	
104.	Thợ phun cát, phun sơn, phun bi.	- Quần áo vải cotton; - Quần áo phun bi; - Giầy vải cao cổ; - Mũ an toàn công nghiệp bảo hộ; - Mũ vải trùm đầu; - Kính phun cát; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Giấy lọc; - Cục lọc; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
105.	- Thợ gõ rỉ thủ công; - Thợ sơn thủ công.	- Quần áo vải cotton; - Giầy vải thấp cổ; - Mũ an toàn công nghiệp bảo hộ; - Mũ vải trùm đầu; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
106.	Thợ điện tàu.	- Quần áo vải cotton; - Giầy da đế chịu dầu; - Mũ an toàn công nghiệp bảo hộ; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống	(1) Trang bị để dùng chung

		chấn thương cơ học; - Ủng cách điện[1]; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	
107.	Gia công, hàn cắt kim loại bằng điện (hàn điện).	- Quần áo vải bạt; - Mũ vải hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay thợ hàn; - Giầy da cao cổ; - Mặt nạ hàn; - Dây an toàn chống ngã cao[1]; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng; - Nút tai chống ồn; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Yếm da hàn.	
108.	Thợ sắt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy da lật cao cổ; - Giầy bảo hộ chống đâm xuyên; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	
109.	Thợ giàn giáo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giày vải thấp cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	
110.	Thợ kích kéo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy da lật ngắn cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Áo mưa; - Xà phòng.	
111.	Thợ cấp điện.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy da lật ngắn cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cách điện(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng chung.
112.	Thợ mộc.	- Quần áo vải cotton; - Giầy vải thấp cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Mũ vải trùm đầu(1); - Găng tay vải; - Nút tai chống ồn; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng(2); - Yếm da thợ cưa máy; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	(1) Bọc cách nhiệt. (2) Dùng khi có làm việc, tiếp xúc với hóa chất.
113.	Nhân viên phòng cháy, chữa cháy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ; - Áo mưa; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Quần áo chống nóng, chống cháy(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy da đế chịu dầu; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
114.	Thủy thủ tàu kéo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy da ngắn cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa; - Áo ấm mùa đông; - Xà phòng.	
115.	Thợ máy tàu kéo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	

		- Giầy da đế chịu dầu; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
XXIV.7.2. Làm việc trên bờ, phục vụ			
116.	Công nhân Kích kéo cẩu, Lái cẩu các loại, lái xe nâng, xe tải.	- Quần áo vải cotton; - Giầy vải thấp cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
117.	Thợ máy, ống, nguội, điện.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy da lật ngắn cổ; - Mũ an toàn công nghiệp bảo hộ; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
118.	Gia công kim loại nguội, kể cả làm bằng máy và thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
119.	Nhân viên bảo vệ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ hoặc nón chống nắng mưa nắng(1); - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ (1); - Ủng cao su; - Mũ an toàn công nghiệp; - Xà phòng.	(1) Nếu được trang bị đồng phục thì thôi các trang bị ghi số.
120.	Dũi bằng hơi.	- Quần áo vải cotton; - Giầy vải thấp cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
121	Phóng dạng.	- Quần áo vải cotton;	

.		- Giầy vải thấp cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay sợi; - Xà phòng.	
122.	Lấy dấu.	- Quần áo vải cotton; - Giầy vải thấp cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay sợi; - Xà phòng.	
123.	Vận chuyển (phục vụ).	- Quần áo vải cotton; - Giầy vải thấp cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
124.	Nhiệt luyện.	- Quần áo vải cotton; - Giầy vải thấp cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
125.	Gò, LR.	- Quần áo vải cotton; - Giầy vải thấp cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
126.	Mạ kim loại.	- Quần áo vải cotton; - Giầy vải thấp cổ; - Ủng cao su; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
127.	Vận hành máy nén khí, ép gió.	- Quần áo vải cotton; - Giầy vải thấp cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
128.	Cán, đúc cao su.	- Quần áo vải cotton; - Giầy vải thấp cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

XXV. VĂN HÓA - THÔNG TIN - LƯU TRỮ

Số	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú

TT			
1	Quay phim (làm việc l-ưu động) kể cả làm các việc phục vụ quay phim.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Mặt nạ phòng độc; - Bộ quần áo; giầy; mũ phòng chống cháy nổ (1) - Xà phòng.	(1) Trang bị chung khi quay các cảnh phim cần sử dụng.
2	- Tráng phim, in phim; - Pha chế hóa chất in tráng phim; - Nấu thuốc in chữ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
3	- Chụp ảnh và in phóng ảnh; - Kiểm tra chất lượng phim; - Họa sĩ; - Tu sửa âm bản; - Thủ kho phim sống.	- Áo choàng vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
4	Xay, nghiền, lọc pha chế bột màu, mực in.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
5	Dựng cảnh và làm mộc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Xà phòng.	
6	Diễn xuất động tác phim búp bê, phim cắt giấy.	- Áo choàng vải trắng; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
7	Điều khiển kiêm sửa chữa máy chiếu phim lưu động.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
8	Giao nhập phim hàng ngày (thồ phim bằng xe đạp).	- Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Bộ quần áo mưa; - Áo phản quang;	

		- Phao cứu hộ; - Xà phòng.	
9	- Sắp chữ; - Rửa chữ; - Sửa chữa máy in; - Xén giấy đóng sách; - In các loại.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
10	Mài bản kẽm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
11	Phơi bản kính, bản kẽm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Yếm cao su; - Ủng cao su thấp cổ; - Kính chống bức xạ; - Xà phòng.	
12	Bôi, khắc kính.	- Áo choàng vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
13	Làm các việc bảo quản, khai thác tài liệu lưu trữ: - Vệ sinh tài liệu, khử nấm mốc, mối mọt. - Sắp xếp, chuyển tài liệu; - Khử trùng tài liệu; - Tu bổ, phục chế tài liệu; - Pha chế dung dịch tráng rửa microfilm; - Khủ axit; - Sao chụp tài liệu.	- Mặt nạ phòng độc (1); - Áo choàng vải; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su mỏng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học(1); - Đệm vai(1); - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Khăn lau; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
14.	Kiểm tra tài liệu bằng máy X.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Quần áo chống tia Rơnghen và phóng xạ(1);	(1)Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.

		- Kính chống tia Rơnghen, phóng xạ[1]; - Găng tay chống tia Rơnghen và phóng xạ[1] - Yếm hoặc tạp dề chống tia Rơnghen và phóng xạ[1] - Xà phòng.	
15	Kiểm tra tài liệu bằng phương pháp hoá lý.	- Áo choàng vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; -Mũ vải; - Găng tay cao su mỏng; - Xà phòng.	
16	Dán ép plastic	- Áo choàng vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su mỏng; - Xà phòng.	
17	Chế bản phim, chế bản tài liệu	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt bẩn; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
18	Thủ kho giao nhận, bảo quản, tu sửa bản phim Positip.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải.	
19	Giao nhận phim bằng mô tô, xe gắn máy.	-Quần áo bảo hộ lao động phổ thông. - Ủng cao su; - Bộ quần áo mưa; - Áo phản quang; - Phao cứu hộ;	
	Diễn viên, diễn viên đóng thế	- Quần áo bảo hộ lao động đặc thù; - Mũ, nón đặc thù theo phân cảnh; - Khăn mặt bông, - Xà phòng	

XXVI. BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG VÀ PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Khảo sát, giám sát xây dựng hoặc lắp đặt các công trình thông tin,	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp;	[1] Trang bị cho người đi mô tô. [2] Trang bị giầy đi

	đường dây thông tin.	- Mũ bảo hiểm đi mô tô(1); - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ(2); - Dây an toàn chống ngã cao(3); - Quần áo chống điện từ trường; - Xà phòng. - Bút thử điện.	rừng cao cổ + tất chống vắt khi làm việc ở vùng rừng núi. (3) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
2	Xây lắp, bảo dưỡng, sửa chữa cột cao ăng ten. Vận hành, khai thác thiết bị dịch vụ viễn thông; Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị thông tin trên cột cao ăng ten. (dưới 50 m)	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ chống chấn chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Quần áo chống điện từ trường; - Xà phòng. - Túi đựng dụng cụ; - Bút thử điện; - Khẩu trang;	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
3	Xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra hoặc tuần tra bảo vệ các tuyến cáp thông tin: - Cáp treo, cáp ngầm hoặc cáp biển; - Cáp quang; - Đường dây trần; - Các thiết bị trên mạng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Mũ bảo hiểm đi mô tô(1); - Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Bộ Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao(2); - Ủng cao su (2); - Kính hàn(2); - Tăng bạt, võng(2); - Bộ quần áo thợ lặn(3); - Bình dưỡng khí(3); - Phao cứu sinh(4); - Quần áo và mũ chống lạnh(5); - Giầy vải bạt thấp cổ(6); - Xà phòng. - Đèn pin(2); - Kính BHLĐ(2); - Áo gile phản quang; - Túi đựng dụng cụ; - Khẩu trang; - Giầy da thấp cổ(7); - Dép quai hậu(7); - Bút thử điện.	(1) Trang bị cho người đi xe mô tô tuần tra tuyến cáp (2) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. (3) Trang bị chung để sử dụng khi lặn. (4) Trang bị chung để sử dụng khi làm việc trên mặt nước sâu. (5) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. (6) Trang bị giầy đi rừng cao cổ + Tất chống vắt khi làm việc ở vùng rừng núi. (7) Trang bị cho người tuần tra thay cho giầy vải bạt thấp cổ
4	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị thông	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	(1) Trang bị thêm khi làm việc trong

	tin vệ tinh.	- Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Mũ vải; - Dép xốp; - Áo khoác chống lạnh(1); - Giầy chống tĩnh điện(2); - Găng tay cách điện(3); - Ủng cách điện(3); - Bộ quần áo chống điện từ trường(3); - Quần áo và mũ chống lạnh(4); - Bút thử điện. - Xà phòng.	phòng lạnh. (2) Trang bị chung dùng trong phòng máy. (3) Trang bị chung. (4) Trang bị thêm khi làm việc ở vùng rét.
5	Vận hành, bảo dưỡng, đo kiểm máy phát, thu phát của ngành bưu chính viễn thông.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cách điện(1); - Ủng cách điện(1); - Giầy chống tĩnh điện(1); - Quần áo chống điện từ trường(1); - Bút thử điện. - Xà phòng.	(1) Trang bị dùng chung.
6	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị vi ba tại các trạm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Quần áo và mũ chống lạnh(2); - Giầy chống tĩnh điện(3); - Bút thử điện. - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. (2) Trang bị khi làm việc ở vùng rét. (3) Trang bị chung theo phòng máy.
7	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tổng đài (tổng đài số, cửa quốc tế, cáp quang, di động, truyền số liệu).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Dép xốp; - Áo khoác, quần áo chống lạnh(1); - Giầy chống tĩnh điện(2); - Bút thử điện. - Xà phòng.	(1)Trang bị khi làm việc trong phòng lạnh. (2)Trang bị dùng chung khi làm việc ở phòng máy.
8	Sửa chữa, lắp đặt, cài đặt cho thuê bao (làm việc lưu động).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Mũ bảo hiểm đi mô tô (1); - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng. - Dây an toàn chống ngã cao(2); - Phao cứu sinh(3);	(1) Trang bị cho người đi mô tô. (2) Trang bị sử dụng chung khi cần thiết. (3) Trang bị sử dụng chung khi cần thiết làm việc tại vùng sông

		- Bút thử điện.	nước.
9	Lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa máy điện thoại, máy thu tăng âm, tải ba, vi ba.	- Áo choàng vải hoặc quần yếm dây; - Mũ vải; - Bút thử điện. - Xà phòng.	
10	Sản xuất thiết bị thông tin: - Cáp quang, cáp thông tin các loại; - Viba, tổng đài, thiết bị nguồn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ - Bịt tai chống ồn; - Xà phòng.	
11	Khai thác điện thoại, phi thoại.	- Áo choàng vải; - Dép xốp; - Áo chống rét(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị thêm khi làm việc trong phòng lạnh.
12	Công nhân thu bưu điện phí.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Mũ bảo hiểm đi mô tô(1); - Áo mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi đi bằng xe máy.
13	Hộ tống viên đường thư trên các phương tiện giao thông.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Phao cứu sinh(1); - Xà phòng.	(1)Trang bị khi đi trên các phương tiện vận tải thuỷ.
14	Khai thác bưu chính phát hành báo chí.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ hoặc dép quai hậu; - Bịt tai hoặc nút tai chống tiếng ồn(1); - Xà phòng;	(1) Trang thiết bị cho người làm việc ở nơi có tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
15	Giao thông viên, bưu tá, điện tá.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp hoặc mũ bảo hiểm đi mô tô; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt thấp cổ hoặc dép quai	(1) Trang bị cho người làm việc trên sông nước; (2) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét (2)

		hậu; - Bộ áo mưa; - Phao cứu sinh(1); - Quần áo và mũ chống lạnh(2); - Xà phòng.	
16	Bảo quản cấp phát tem chơi, tem lưu trữ.	- Áo choàng vải; - Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
17	Đục tem bằng máy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Bịt tai chống ồn (1); - Xà phòng.	(1) Trang bị thêm khi làm việc chịu ảnh hưởng của tiếng ồn.
18	- Quay phim trong trường quay; - Điều khiển cần trục máy quay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
19	Vận hành máy phát sóng: - Phát thanh; - Phát hình.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cách điện(1); - Găng tay cách điện(1); - Giầy vải bạt thấp cổ; - Bút thử điện. - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để tại nơi làm việc.
20	Vận hành máy phát sóng tại các trạm phát sóng đặt trên núi cao từ 100m trở lên.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay sợi; - Tất chống rét; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Bút thử điện. - Xà phòng.	
21	Vận hành các máy tăng âm, ghi âm và thiết bị truyền thanh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
22	Bảo dưỡng, sửa chữa máy thuộc trung tâm phát thanh, truyền hình.	- Áo choàng trắng; - Dép nhựa có quai hậu; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	

		- Xà phòng.	
23	- Điện toán (truyền số liệu, quản lý danh bạ, lập trình); - Sửa chữa, bảo dưỡng máy vi tính.	- Áo choàng vải trắng; - Dép xốp; - Áo chống rét(1); - Nước mắt nhân tạo chống mỏi mắt, khô mắt. - Xà phòng.	(1) Làm việc trong phòng lạnh.
24	Tuần tra, kiểm tra Fiđơ, ăng ten.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giày vải thấp cổ hoặc dép quai hậu: - Quần áo và mũ chống lạnh; - Áo mưa; - Quần áo chống điện từ trường; - Dây an toàn chống ngã cao(1). - Xà phòng.	(1) Trang bị để sử dụng chung khi cần thiết.
25	Xây lắp, bảo dưỡng, sửa chữa cột cao ăng ten. Vận hành, khai thác thiết bị dịch vụ viễn thông; Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị thông tin trên cột cao ăng ten. (từ 50 m trở lên)	- Quần áo bảo hộ lao động; - Mũ chống chấn chấn thương sọ não; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng; - Túi đựng dụng cụ; - Bút thử điện; - Khẩu trang;	Công việc đặc biệt nặng nhọc độc hại nguy hiểm (điều kiện lao động loại VI)
26	Nhân viên lắp đặt, sửa chữa thiết bị viễn thông (chuyển mạch, truyền dẫn, vô tuyến, nguồn điện – điện lạnh)	- Dây an toàn(1); - Quần áo bảo hộ lao động; - Giày vải; - Mũ chống chấn thương sọ não; - Túi đựng dụng cụ; - Găng tay; - Bút thử điện; - Xà phòng; - Khẩu trang.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
27	Pha chế axit, bảo dưỡng, phóng nạp ăc quy	- Quần áo bảo hộ lao động; - Ủng cao su chịu a xít; - Yếm cao su chịu a xít; - Găng tay chống axit, kiềm; - Khẩu trang lọc bụi chống độc; - Mặt nạ phòng độc; - Kính chống a xít; - Xà phòng.	

XXVII. TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Số	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú

TT			
1	- Thu, phát, đếm, đóng bó, tiêu huỷ tiền (kiểm ngân, thủ quỹ, nhân viên cắt huỷ); - Các thành viên Ban quản lý kho hoặc những người được ủy quyền thường xuyên; Trưởng, phó phòng kho quỹ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay cao su; - Áo choàng vải; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép quai hậu; - Xà phòng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông.	
2	Bốc xếp các hàng đặc biệt (tiền, vàng, đá quý), kể cả thủ kho, phụ kho).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Dép quai hậu; - Áo mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Đệm vai vải bạt; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
3	Vận hành máy in số xố cào, máy in tiền.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy bảo hộ lao động; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ hoặc bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Găng tay cao su chống hoá chất chuyên dùng(1); - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc tiếp xúc với hoá chất độc hại.
4	Xử lý nước thải Nhà máy in tiền	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy bảo hộ lao động; - Găng tay vải bạt; - Găng tay y tế; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Ủng cao su(1) - Mặt nạ, bán mặt nạ phòng độc(2)	(1) Sử dụng khi vệ sinh máy, vệ sinh phin lọc. (2) Trang bị sử dụng chung.

		- Xà phòng.	
5	Sản xuất lô in tiền	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy bảo hộ lao động; - Găng tay vải bạt; - Găng tay y tế; - Găng tay cao su chống hoá chất chuyên dùng; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
6	Sản xuất bản in tiền	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy bảo hộ lao động; - Găng tay vải bạt; - Găng tay y tế(1); - Găng tay cao su chống hoá chất chuyên dùng(2); - Găng tay sợi có tráng cao su(2); - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học(3);; - Ủng cao su (4); - Tạp dề(4); - Xà phòng.	(1)Trang bị bộ phận phơi bản. (2)Trang bị công nhận mạ, phơi bản, thủ kho bản. (3)Trang bị công nhân mài, mạ bản. (4)Trang bị bộ phận mạ bản.
7	Vận hành máy cắt, máy đóng gói tiền.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy bảo hộ lao động; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay sợi(1) - Xà phòng.	(1)Trang bị công nhân máy đóng gói.
8	Thủ kho, bảo quản, giao nhận giấy in tiền và tiền mới in; kiểm chọn, đóng gói tiền mới in.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy bảo hộ lao động hoặc dép quai hậu; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt(1) - Xà phòng.	(1)Trang bị công nhân tháo dỡ kiện giấy in tiền.
9	Vệ sinh công nghiệp nhà máy in tiền	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy bảo hộ lao động; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su chống hoá chất chuyên dùng; - Ủng cao su; - Nón hoặc mũ cứng, áo mưa(1)	(1)Trang bị sử dụng khi trời mưa.

		- Xà phòng.	

XXVIII. Y TẾ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	
1	- Bác sĩ, y sĩ khám chữa bệnh và điều trị tại các bệnh viện, trạm xá; - Dược sĩ tại các bệnh viện, trạm xá.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
2	Y tá, hộ lý: - Phục vụ phòng mổ; - Vệ sinh ngoại; - Rửa chai lọ, xử lí bệnh phẩm; - Phục vụ nhà xác.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
3	- Kiểm tra, lấy mẫu vệ sinh môi trường; - Vệ sinh phòng dịch, kiểm dịch biên giới: + Kiểm tra vệ sinh thực phẩm; + Điều tra, giám sát, kiểm tra các ổ dịch, côn trùng; + Phun thuốc hoặc hoá chất diệt trùng, côn trùng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông (1); - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu hoặc ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Bán mặt nạ hoặc mặt nạ phòng độc chuyên dùng (2); - Áo mưa(3); - Mũ, nón chống mưa nắng(3); - Mũ bảo hiểm đi xe máy (4); - Áo phản quang(5); - Áo phao hoặc phao cứu sinh(6); - Xà phòng.	(1) Nếu đã được trang bị đồng phục thì thôi. (2) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết. (3) Trang bị cho người làm việc ngoài trời. (4) Trang bị cho người đi làm việc lưu động nhiều trên đường bằng xe máy. (5) Trang bị cho người làm việc trong điều kiện trời tối. (6) Trang bị cho người làm việc ở vùng sông nước hoặc đang bị lũ lụt.
4	Sản xuất nước cất.	- Quần áo vải trắng hoặc áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng;	

		- Găng tay cao su; - Giầy cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
5	Pha chế, sản xuất các loại sản phẩm hoá dược: - Vắc - xin; - Thuốc tây y, thuốc đông dược; - Thuốc hoặc hoá chất sát trùng.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su hoặc ủng vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Nút hoặc bịt tai chống ồn(1); - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng(2); - Bán mặt nạ hoặc mặt nạ phòng độc chuyên dùng(2); - Áo mưa(3); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở nơi quá ồn. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (3) Trang bị cho người đi thu hái nguyên liệu thuốc đông dược.
6	- Giám định hoá lý, giám định vệ sinh thực vật; - Giải phẫu vi thể, kiểm nghiệm chất độc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải trắng, hoặc mũ bao tóc; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su mỏng; - Xà phòng.	
7	- Y tế lưu động; - Y tế thôn, bản, xã.	- Quần áo vải trắng hoặc áo choàng trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Mũ bảo hiểm đi xe máy(1); - Áo phao hoặc phao cứu sinh(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người đi làm việc lưu động nhiều trên đường bằng xe máy. (2) Trang bị cho người đi làm việc ở vùng sông nước hoặc lũ lụt.
8	- Giải phẫu bệnh và giải phẫu bệnh tế bào; - Khám mổ tử thi (kể cả khai quật tử thi).	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
9	Sử dụng hoặc tiếp xúc với các chất phóng xạ	- Quần áo vải trắng, dày và trơn; - Mũ vải trắng;	(1) Trang bị cho nhân viên xạ trị.

	hoặc tia phóng xạ trong: - Chẩn đoán, điều trị bệnh; - Thăm dò chức năng; - Sản xuất thuốc chữa bệnh.	- Tay gắp nguồn[1]; - Dép nhựa có quai hậu; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống tia Rơnghen, phóng xạ; - Bộ quần áo chống tia Ronghen và phóng xạ; - Găng tay cao su chống phóng xạ; - Yếm chống tia Rơnghen và phóng xạ; - Giày hoặc ủng cao su chống phóng xạ; - Xà phòng.	
10	Tiếp xúc với tia tử ngoại, tia hồng ngoại trong: - Khử trùng; - Điều trị bệnh.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính chống bức xạ; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
11	Làm việc trong phòng thí nghiệm y tế, hoá dược.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng[1]; - Kính chống các vật văng bắn hoặc chống hoá chất chuyên dùng[1]; - Xà phòng.	[1] Tuỳ từng công việc cụ thể có thể được trang bị thêm những phương tiện cần thiết khác.
12	Trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm, phục vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp người bị HIV/AIDS, phong, lap, tâm thần, người khuyết tật đặc biệt nặng	- Quần áo trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng, khăn.	
13	Trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm, phục vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp người cao tuổi không tự phục vụ được, trẻ em dưới 4 tuổi	-Quần áo trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng, khăn.	
14	Trực tiếp khám, điều	-Quần áo trắng;	

	trị, xét nghiệm, chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp người khuyết tật nặng	- Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng, khăn.	
15	Khám điều trị, tư vấn, giáo dục, dạy nghề, dạy văn hóa, lao động trị liệu, quản lý học viên cai nghiện ma túy	-Quần áo trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng, khăn.	
16	Trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm, phục vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em từ 4 tuổi trở lên, đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, người cao tuổi	-Quần áo trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng, khăn.	
17	Quản lý, phục vụ không trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm, phục vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp người bệnh HIV/AIDS, phong, lao, tâm thần; người khuyết tật đặc biệt nặng	- Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng, khăn.	
18	Không trực tiếp làm chuyên môn công tác xã hội và y tế; công chức, viên chức công tác xã hội và y tế làm công tác quản lý, phục vụ	- Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng, khăn.	

XXIX. NGHỀ VÀ CÁC CÔNG VIỆC KHÁC

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú

XXIX.1. Cấp dưỡng			
1	Sơ chế thực phẩm.	- Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay chế biến thực phẩm(1); - Ủng hoặc giầy chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị theo thực tế.
2	Nấu ăn ở các bếp tập thể, trên tàu biển, tàu sông, xe lửa.	- Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Quần áo vải trắng; - Ủng hoặc giầy chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.	
3	Nấu ăn và đem cơm, nước uống tới các đội sản xuất lưu động trong rừng, đội khảo sát địa chất.	- Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt cao cổ đi rừng; - Áo mưa; - Xà phòng.	
4	- Nấu ăn ở các nhà hàng, khách sạn. - Nấu ăn ở các bếp ăn cho người lái máy bay, hành khách đi máy bay.	- Áo quần vải trắng hoặc áo choàng vải trắng; - Yếm hoặc tạp dề vải trắng chống ướt, bẩn; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
5	Chia, xếp đặt suất ăn hoặc phục vụ bàn ăn.	- Áo quần vải trắng; - Yếm hoặc tạp dề trắng chống ướt, bẩn; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay cao su mỏng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng khi cần thiết.
6	Nhào nắm than, đốt lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
7	Rửa các dụng cụ phục vụ việc nấu ăn, dụng cụ ăn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Găng tay cao su.	

		- Xà phòng.	
8	Cung ứng, tiếp phẩm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ, nón chống mưa nắng(1); - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
9	Đảm bảo/kiểm soát chất lượng thực phẩm cung cấp trên máy bay	- Áo quần trắng hoặc áo choàng vải trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
XXIX.2. Dự trữ - Thủ kho			
9	Thủ kho lương thực, thực phẩm (giao nhận, bảo quản).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
10	Thủ kho muối (giao nhận, bảo quản).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
11	Thủ kho (giao nhận, bảo quản) nhóm hàng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt chuột, trừ mối mọt, các loại hóa chất, phân hoá học.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su dày(1); - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
12	Thủ kho vật tư ôtô (giao nhận, bảo quản).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su chống xăng dầu; - Mũ vải; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Găng tay vải bạt;	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Găng tay chống xăng, dầu, mỡ[1]; - Xà phòng. - Khẩu trang/Bán mặt nạ/ Mặt nạ phòng độc.	
13	Thủ kho (giao nhận, bảo quản) nhiên liệu, dầu mỡ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải [1]; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su chống dầu[2]; - Bán mặt nạ phòng độc[2]; - Găng tay chống dầu[2]; - Áo mưa; - Xà phòng.	[1] Làm việc ngoài trời trang bị thay bằng Mũ, nón chống mưa nắng. [2] Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
14	Thủ kho các loại vật liệu, hàng hóa nhiều bụi bẩn (kể cả giao nhận, bảo quản).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Tất vải hoặc xà cạp; - Xà phòng.	
15	Thủ kho các loại vật liệu, hàng hóa, vật liệu kim khí sắc nhọn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
16	Thủ kho hàng hoá thông thường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
17	Thủ kho hàng hóa, nguyên vật liệu, thiết bị máy khác (kể cả giao, nhận, bảo quản).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
18	Kỹ thuật viên kiểm nghiệm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai;	

		- Xà phòng.	
19	Công nhân phun thuốc phòng diệt côn trùng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Đệm lưng vải bạt(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung sử dụng khi cần thiết. (2) Trang bị theo máy.
20	Thủ kho (giao, nhận, bảo quản) vật tư thông dụng động viên công nghiệp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
21	Thủ kho (giao nhận, bảo quản) vật liệu nổ công nghiệp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung sử dụng khi cần thiết.
22	Thủ kho (giao nhận, bảo quản) vật tư, thiết bị cứu hộ, cứu nạn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Ủng cao su chống xăng dầu(1); - Găng tay chống xăng, dầu mỡ(1); - Giầy vải bạt thấp cổ hoặc dép nhựa có quai hậu; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung sử dụng khi cần thiết.
XXIX.3. Vệ sinh môi trường đô thị - Lao động			
23	Rửa các loại xe ôtô của cơ quan.	- Áo mưa; - Ủng cao su; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
24	Làm đất trồng, trồng, chăm sóc hoa và cây cảnh; cắt rào, phạt cỏ vườn.	- Quần yếm dày; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su; - Ủng cao su;	

		- Xà phòng.	
25	Quét dọn cơ quan, xí nghiệp, tạp vụ.	- Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
26	Quét, xúc chuyển rác, san bãi rác.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Áo mưa; - Áo phản quang; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc khi trời tối.
27	Nạo vét bùn ở cống ngầm, cống ngang, mương sông hồ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo mưa; -Mũ, nón chống mưa nắng hoặc mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang phòng độc; - Găng tay vải bạt hoặc cao su; - Ủng cao su(1); - Giầy vải bạt thấp cổ; - Quần áo lội nước; - Xà phòng; - Máy thở chuyên dụng; - Bình dưỡng khí; - Thiết bị thở cá nhân.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
28	- Quét dọn hố xí, hố tiêu tự hoại, cống rãnh; - Đổ thùng, phục vụ xe hút phân, chở phân.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
29	Lái xe chở phân, rác, bùn cống.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi;	(1) Trang bị cho lái xe kiêm sửa chữa.

		- Giầy vải bạt cao cổ; - Chiếu cá nhân[1]; - Xà phòng	
30	Chế biến rác.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su[1]; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	[1] Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
31	Hạ cây, chặt cành.	- Mũ an toàn công nghiệp; - Dây an toàn chống ngã cao[1]; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	[1] Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
32	Chôn, cất mồ mả.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su dày[1]; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su[1]; - Xà phòng.	[1] Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
33	Trông coi nghĩa trang.	- Mũ vải; - Găng tay; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng, khăn.	[1] Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
34	Vận hành máy bơm, tàu cuốc máy hút bùn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ hoặc nón chống nắng mưa; - Áo mưa; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Xà phòng;	[1] Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
35	Duy tu mương, sông nước thải thành phố.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ hoặc nón chống nắng mưa; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt;	[1]Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.

		- Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Phao cứu sinh(1); - Ủng cao su(1); - Giầy vải bạt thấp cổ - Xà phòng;	
XXIX.4. Nhân viên bảo vệ - Phòng chữa cháy			
36	- Bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, tuần tra hiện trường; - Bảo vệ kho tàng dự trữ quốc gia.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Mũ, nón chống mưa nắng(1); - Áo mưa; - Đèn pin; - Giầy vải bạt thấp cổ(1); - Ủng cách điện(2); - Ủng cao su; - Xà phòng.	(1) Nếu được trang bị đồng phục thì thôi các trang bị ghi số. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
37	Thợ nạp bình cứu hỏa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Mũ an toàn công nghiệp; - Ủng cao su; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
38	Lực lượng phòng cháy và chữa cháy	- Áo chữa cháy - Quần chữa cháy - Mũ chữa cháy - Ủng chữa cháy - Găng tay chữa cháy - Khẩu trang chữa cháy - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng; - Túi cứu thương(1).	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
XXIX.5. Quản lý sản xuất - Dịch vụ			
39	- Quản đốc, phó quản đốc phân xưởng, đốc công, trưởng ca, trưởng lò; - Giám sát thi công, trực tiếp chỉ đạo sản xuất tại phân xưởng, công trường; - Kĩ thuật viên ở đoàn khảo sát địa chất, địa hình; - Cán bộ kiểm tra, đo đạc các yếu tố về an	- Được trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cần thiết như người đang làm nghề, công việc được kiểm tra, giám sát, hoặc như người làm các nghề, công việc có cùng tính chất. - Tuỳ thuộc vào từng công việc cụ thể có thể được trang bị thêm các phương tiện bảo vệ cá nhân khác.	

	toàn - vệ sinh lao động (điều kiện lao động).		
40	Người làm các dịch vụ có tính chất như nghề hoặc công việc trong danh mục như bán hàng, giới thiệu sản phẩm.	Được trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cần thiết giống như nghề, công việc có cùng tính chất.	
XXIX.6. Giáo viên, giảng viên dạy nghề-Học sinh học nghề			
41	Giáo viên, giảng viên dạy nghề, dạy thực hành.	Được trang bị những thứ cần thiết như người lao động làm nghề, công việc mà họ dạy.	
42	Học sinh học nghề, đào tạo tại trường dạy nghề hoặc kèm cặp trong sản xuất.	Khi thực hành được trang bị như người lao động làm nghề, công việc đó.	
XXIX.7. Thể dục - Thể thao			
43	Giáo viên, giảng viên hướng dẫn viên, huấn luyện viên, vận động viên thể thao, trọng tài thể thao.	- Quần áo, mũ, giày, tất chuyên ngành thể thao; - Bao Bảo vệ: Đầu gối, cẳng, ống, cổ chân, ống, khuỷu tay. - Kính chuyên ngành thể thao; - Xà phòng.	Nếu được trang bị loại đồng phục nào thì thôi loại phương tiện bảo vệ cá nhân đó.
XXIX.8. Du lịch			
44	Thủ kho thực phẩm lạnh (giao nhận, bảo quản).	- Quần áo vải dầy; - Quần áo, mũ bông chống rét; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt bẩn; - Ủng cao su hoặc giầy vải cao cổ; - Tất chống rét; - Xà phòng.	
45	- Làm vệ sinh ở các bể bơi, hồ bơi; - Xử lý nước cấp, nước thải.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng hoặc mũ bao tóc; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng(1); - Găng tay cao su chống hoá chất chuyên dùng(1); - Ủng cao su chống hoá chất chuyên dùng(1); - Bán mặt nạ hoặc mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Dây an toàn chống ngã cao(1);	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Xà phòng.	
46	Giặt, là.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Dép nhựa có quai hậu hoặc ủng cao su; - Khăn mặt bông(1); - Bán mặt nạ phòng độc(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm thủ công. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
47	Cứu hộ ở các khu vui chơi giải trí như: bể bơi, hồ bơi, bãi biển.	- Quần áo bơi; - Mũ bơi; - Kính bơi; - Phao cứu sinh hoặc áo phao; - Khăn bông choàng; - Xà phòng.	
48	Đầu bếp làm việc trong bếp	- Giày chống trơn, trượt - Yếm, tạp dề chống ướt, bẩn.	
XXIX.9. Bảo hiểm			
49	Giám định, bảo hiểm hiện trường.	- Kính chống bức xạ; - Giày vải bạt chống trơn trượt hoặc ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su hoặc Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
XXIX.10. Công an			
50	Nghiên cứu, thử nghiệm vũ khí, khí tài hóa học chuyên dụng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải sợi; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Mặt nạ chống độc; - Găng tay chịu hóa chất; - Kính bảo hộ lao động; - Xà phòng.	
51	Nghiên cứu sản xuất chất cay mắt, chất gây mê, chất ngạt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Mặt nạ phòng độc; - Găng tay vải sợi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học(1); - Găng tay chịu hóa chất; - Hộp lọc độc;	(1) Trang bị chung khi cần thiết.

		- Găng tay y tế; - Găng nilon dùng 01 lần; - Khẩu trang than hoạt tính; - Mũ vải; - Xà phòng.	
52	Trinh sát kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
53	Kiểm tra tài liệu bằng X quang.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.	
54	Giám định vật liệu nổ, vật liệu nổ, mẫu phóng xạ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ an toàn công nghiệp; - Xà phòng.	
55	Trực tiếp khám, điều trị cho can phạm, phạn nhân và trẻ em vị thành niên.	- Quần áo vải trắng; - Găng tay cao su mỏng; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Xà phòng.	
56	Kiểm tra tài liệu bằng phương pháp lý hóa.	- Quần áo vải trắng; - Găng tay cao su mỏng; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.	
57	Giải phẫu vi thể, kiểm nghiệm chất độc pháp y.	- Quần áo vải trắng; - Găng tay cao su mỏng; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Tại đề hoặc yếu chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
58	- Khám nghiệm, giám định dấu vết súng, đạn, dấu vết cơ học; - Giám định hóa pháp lý, giám định vi sinh vật.	- Áo choàng vải trắng; - Găng tay cao su mỏng; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.	
59	Nuôi và chăm sóc chó nghiệp vụ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Mũ vải; - Xà phòng.	
60	Bảo quản, chỉnh lý khai thác thư căn cước can phạm và chứng minh thư.	- Áo choàng vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.	
61	Bảo quản, khai thác phim trong tàng thư.	- Áo choàng vải trắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.	
62	Nghiên cứu chế tạo các loại mực đặc biệt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
63	Nghiên cứu chế tạo thiết bị, máy phát tia X quang, tia cực tím.	- Quần áo vải dầy; - Yếm chống tia Rơnghen và phóng xạ(1); - Mũ vải; - Găng tay cao su chống phóng xạ(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung khi cần thiết.
64	Nghiên cứu sản xuất các loại màng, keo polyme đặc biệt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Xà phòng.	
65	Chế bản ăn mòn kim loại làm dấu, chế bản phim, chế bản tài liệu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay cao su chống axit (1); - Ủng cao su chống axit(1); - Yếm cao su chống axit(1); - Mũ vải; - Khẩu trang; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung khi cần thiết.
66	Sản xuất quả cay, quả nổ, sửa chữa vũ khí.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ;	(1) Trang bị chung khi cần thiết.

		- Mũ vải; - Xà phòng.	
67	Nghiên cứu sản xuất các chất chữa cháy (bọt chữa cháy xăng dầu).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay chịu hóa chất; - Xà phòng.	
68	Nghiên cứu chế tạo thiết bị siêu cao tần.	- Quần áo vải dầy; - Quần áo chống điện từ trường(1); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sự dụng khi cần thiết.
69	Thủ kho vũ khí hóa chất độc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Mũ vải; - Đệm vai; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Găng tay chịu hóa chất; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
70	Dán ép chứng minh thư nhân dân.	- Áo choàng vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
71	Giám định dấu vết vân tay, tài liệu.	- Áo choàng vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
XXIX.11. Sửa chữa thiết bị văn phòng			
72	- Vận hành kiêm sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị văn phòng: + Máy vi tính (computer) và máy in kèm theo; + Máy sao chụp (photocopy), máy fax.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông hoặc áo choàng trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
XXIX.12. Khoa học và Công nghệ			
73	Công nhân, kỹ thuật viên phục vụ trong các phòng thí nghiệm độc hại; các nhân viên phục vụ trong các phòng thí	- Quần áo bảo hộ; - Găng tay sử dụng một lần; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dụng; - Kính bảo hộ chuyên dụng;	

	nghiệm sinh học phân tử, liên tục tiếp xúc với các hóa chất có thể gây đột biến gen.	- Mũ vải; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt; - Dép nhựa có quai hậu; - Ủng cao su; - Xà phòng; - Kính chống tia Rơnghen, phóng xạ. - Khẩu trang phòng độc.	
74	Nhân viên quan trắc môi trường làm việc trên cao (ống khói khi thải)	-Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy bảo hộ lao động chống đâm xuyên; - Dây đai an toàn; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay len chống nhiệt; - Kính bảo hộ lao động; - Nút tai chống ồn.	
75	Nhân viên quan trắc môi trường (sông, hồ, biển,…)	-Quần áo bảo hộ lao động chống ướt; - Mũ bảo hộ lao động; - Áo phao có gắn phản quang; - Ủng cao su; - Găng tay cao su; - Kính bảo hộ lao động.	
76	Nhân viên quan trắc môi trường (hố sâu, hố ga, cống nước thải,..)	-Quần áo bảo hộ lao động chống ướt; - Mũ bảo hộ lao động; - Ủng cao su; - Găng tay cao su; - Kính bảo vệ mắt; - Yếm cao su liền quần; - Khẩu trang/ Mặt nạ phòng độc.	
XXIX.12. Lao động – Thương binh và Xã hội			
77	Trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm, phục vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp người bị HIV/AIDS, phong, tâm thần, người khuyết tật đặc biệt nặng	- Quần áo trắng - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc - Găng tay cao su mỏng - Dép nhựa có quai hậu - Ủng cao su - Khẩu trang lọc bụi -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn - Xà phòng, khăn	
78	Trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm, phục vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp người cao tuổi không tự phục vụ được, trẻ em dưới 4 tuổi	-Quần áo trắng - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc - Găng tay cao su mỏng - Dép nhựa có quai hậu - Ủng cao su - Khẩu trang lọc bụi -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn	

		- Xà phòng, khăn	
79	Trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm, chăm sóc, buôi dường, trợ giúp người khuyết tật nặng	-Quần áo trắng - Mũ vài trắng hoặc mũ bao tóc - Găng tay cao su mỏng - Dép nhựa có quai hậu - Ủng cao su - Khẩu trang lọc bụi -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn - Xà phòng, khăn	
80	Người làm công tác lưu trữ hồ sơ tại kho lưu trữ hồ sơ	-Găng tay - Khẩu trang lọc bụi -Xà phòng	
81	Người làm công tác quản trang tại Nghĩa trang liệt sỹ	- Mũ vải - Găng tay - Dép nhựa có quai hậu - Ủng cao su - Khẩu trang lọc bụi -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn - Xà phòng, khăn	
82	Khám điều trị, tư vấn, giáo dục, dạy nghề, dạy văn hóa, lao động trị liệu, quản lý học viên cai nghiện ma túy	-Quần áo trắng - Mũ vài trắng hoặc mũ bao tóc - Găng tay cao su mỏng - Dép nhựa có quai hậu - Ủng cao su - Khẩu trang lọc bụi -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn - Xà phòng, khăn	
83	Trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm, phục vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em từ 4 tuổi trở lên, đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, người cao tuổi	-Quần áo trắng - Mũ vài trắng hoặc mũ bao tóc - Găng tay cao su mỏng - Dép nhựa có quai hậu - Ủng cao su - Khẩu trang lọc bụi -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn - Xà phòng, khăn	
84	Quản lý, phục vụ không trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm, phục vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp người bệnh HIV/AIDS, phong, lao, tâm thần; người khuyết tật đặc biệt nặng	- Mũ vài trắng hoặc mũ bao tóc - Găng tay cao su mỏng - Dép nhựa có quai hậu - Ủng cao su - Khẩu trang lọc bụi -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn - Xà phòng, khăn	
85	Không trực tiếp làm chuyên môn công tác xã hội và y tế; công chức, viên chức công tác xã hội và y tế làm công tác	- Găng tay cao su mỏng - Dép nhựa có quai hậu - Ủng cao su - Khẩu trang lọc bụi -Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn	

	quản lý, phục vụ.	- Xà phòng, - Khăn mặt bông.	

Phụ lục II

MẪU SỔ THEO DÕI TRANG CẤP PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN

(Kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Tên đơn vị:.....

SỔ THEO DÕI TRANG CẤP PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN NĂM.....

TT	Họ và tên người nhận	Bộ phận, nơi làm việc	Tên, loại	Số lượng	Ngày nhận	Ghi chú	Ký nhận
1							
2							
3							
...							

NGƯỜI THỰC HIỆN CẤP PHÁT
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phương tiện bảo vệ cá nhân sử dụng chung thì ghi rõ vào cột ghi chú

Phụ lục III

MẪU ĐỀ XUẤT

BỔ SUNG DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên cơ quan đề nghị	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... V/v: Đề nghị bổ sung danh mục phương tiện bảo vệ cá nhân	*....., ngày .....tháng .....năm .....*

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thực hiện chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân, để phù hợp với điều kiện lao động của công việc cụ thể tại đơn vị, ...(1) đề nghị bổ sung công việc và phương tiện bảo vệ cá nhân vào danh mục phương tiện bảo vệ cá nhân như sau:

TT	Nghề, công việc	Mô tả điều kiện lao động	Phương tiện bảo vệ cá nhân đề xuất	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, có ý kiến, sửa đổi, bổ sung danh mục phương tiện bảo vệ cá nhân./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở LĐTBXH nơi cơ quan đề xuất đặt trụ sở chính;
.....

CƠ QUAN ĐỀ XUẤT
(Ký tên, đóng dấu)

----------(1)

Tên cơ quan đề xuất